

(Dự thảo)

**BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>5.267.507.340</b>
<b>1</b>	<b>Đất đai</b>		<b>30.245,6</b>			<b>5.220.108.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	27657,8	180.000	100	4.978.404.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	1342,8	180.000	100	241.704.000
-	Đất nông nghiệp công ích, đất công do UBND phường quản lý, không được bồi thường	m <sup>2</sup>	1245,0	0	0	0
<b>2</b>	<b>Cây, hoa màu trồng trên đất nông nghiệp trồng lúa: Bồi thường bằng 100% đơn giá đối với cây, hoa màu</b>					<b>47.399.340</b>
	Lúa tẻ	m <sup>2</sup>	3.728,7	7.700	100	<b>28.710.990</b>
	Ngô	m <sup>2</sup>	1.295,9	5.500	100	<b>7.127.450</b>
	Lạc	m <sup>2</sup>	1.223,9	6.500	100	<b>7.955.350</b>
	Khoai	m <sup>2</sup>	554,7	6.500	100	<b>3.605.550</b>
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>18.320.047.000</b>
<b>1</b>	<b>Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 155.000 đồng/m<sup>2</sup> x 5 lần = 775.000đồng/m<sup>2</sup></b>	m <sup>2</sup>				<b>17.545.363.000</b>
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	27.657,8	605.000	100	16.732.969.000
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, tăng lên so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (chưa có GCN QSD đất); hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	1.342,8	605.000	100	812.394.000
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>488.538.000</b>

<b>TT</b>	<b>DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB</b>	<b>ĐVT</b>	<b>KHỐI LƯỢNG</b>	<b>ĐƠN GIÁ (đồng)</b>	<b>TỶ LỆ BT, HT (%)</b>	<b>THÀNH TIỀN (đồng)</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	297	1.494.000	100	443.718.000
-	Hỗ trợ gạo 06 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ từ 30% đến 70% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 06 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 2.988.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	11	2.988.000	100	32.868.000
	Hỗ trợ gạo 12 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ lớn hơn 70% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 12 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 5.976.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	2	5.976.000	100	11.952.000
<b>3</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m<sup>2</sup>), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:</b>		<b>28.614,6</b>	<b>10.000</b>	<b>100</b>	<b>286.146.000</b>
<b>III</b>	<b>Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ: (I) + (II)</b>					<b>23.587.554.340</b>

*Số tiền bằng chữ: Hai mươi ba tỷ, năm trăm tám mươi bảy triệu, năm trăm năm mươi bốn ngàn, ba trăm bốn mươi đồng*

**UBND PHƯỜNG SƠN TÂY**  
**BAN QLDA ĐẦU TƯ - HA TẦNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢNG CHI TIẾT KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

STT theo thửa đất	Số hồ sơ	HỌ VÀ TÊN CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT	Đất đai			Tỷ lệ % mất đất	Nhân khẩu đủ điều kiện hỗ trợ	Loại đất thu hồi			PHẦN BỒI THƯỜNG (đồng)		
			Số tờ	Số thửa	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )			Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	Đất nông nghiệp công ích do UBND phường quản lý	Đất đai		
											Đôi với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP	Đất nông nghiệp trồng lúa, tăng lên so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (chưa có GCN QSD đất, đủ điều kiện cấp GCN QSD đất)	Đất công, đất NN công ích do UBND phường quản lý
								180.000	180.000	0	180.000	180.000	
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>6,0</b>		<b>7</b>	<b>8</b>	<b>9</b>	<b>12</b>	<b>13</b>	<b>14</b>
1	1	Hộ ông Đỗ Văn Bài	1	37	397,2	21,5	4	397,2	0,0		71.496.000	0	0
2	2	Hộ ông Nguyễn Văn Bảy	3	32	214,0	6,9		214,0	0,0		38.520.000	0	0
3	3	Hộ ông Đỗ Văn Bình	1	31	203,5	15,9		203,0	0,5		36.540.000	90.000	0
4	4	Hộ bà Cao Thị Cây	2	61	75,3	3,2	7	75,3	0,0		13.554.000	0	0
5		Hộ bà Cao Thị Cây	2	98	16,1	0,0	0	16,1	0,0		2.898.000	0	0
6	5	Hộ bà Phan Thị Chè	2	14	343,5	16,8	4	272,0	71,5		48.960.000	12.870.000	0
7		Hộ bà Phan Thị Chè	2	17	231,6	0,0		222,0	9,6		39.960.000	1.728.000	0
8	6	Hộ ông Phan Văn Chiến	1	40	260,1	19,8	8	260,0	0,1		46.800.000	18.000	0

STT theo thửa đất	Số hồ sơ	HỌ VÀ TÊN CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT	Đất đai			Tỷ lệ % mất đất	Nhân khẩu đủ điều kiện hỗ trợ	Loại đất thu hồi			PHẦN BÒI THƯỜNG (đồng)		
			Số tờ	Số thửa	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )			Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	Đất nông nghiệp công ích do UBND phường quản lý	Đất đai		
											Đôi với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP	Đất nông nghiệp trồng lúa, tăng lên so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (chưa có GCN QSD đất, đủ điều kiện cấp GCN QSD đất)	Đất công, đất NN công ích do UBND phường quản lý
9	7	Hộ bà Nguyễn Thị Choè	1	57	203,9	5,3	2	196,0	7,9		35.280.000	1.422.000	0
10	8	Hộ bà Nguyễn Thị Quán (đã chết) con là ông Phan Văn Cường	1	20	39,1	0,9		0,0	39,1		0	7.038.000	0
11	9	Hộ ông Phan Thế Cường	1	49	481,2	15,6	10	481,2	0,0		86.616.000	0	0
12	10	Hộ bà Nguyễn Thị Dần	1	56	336,9	100,0	1	336,0	0,9		60.480.000	162.000	0
13	11	Hộ bà Hà Thị Điền	1	43	14,9	11,0	4	14,9	0,0		2.682.000	0	0
14		Hộ bà Hà Thị Điền	2	12	311,5	0,0	0	311,0	0,5		55.980.000	90.000	0
15	12	Hộ bà Giang Thị Doan	2	74	149,8	3,5	4	149,8	0,0		26.964.000	0	0
16	13	Hộ bà Đỗ Thị Đông	2	25	174,7	5,9	6	60,0	114,7		10.800.000	20.646.000	0
17	14	Hộ ông Nguyễn Tiến Đức	2	11	222,1	23,3	4	222,0	0,1		39.960.000	18.000	0
18	15	Hộ ông Phan Văn Dũng ( Tuất)	2	73	184,2	6,4	2	183,0	1,2		32.940.000	216.000	0
19	16	Hộ ông Phan Văn Dũng ( Nhung)	2	100	214,3	5,1	2			214,3	0	0	0

STT theo thửa đất	Số hồ sơ	HỌ VÀ TÊN CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT	Đất đai			Tỷ lệ % mất đất	Nhân khẩu đủ điều kiện hỗ trợ	Loại đất thu hồi			PHẦN BÒI THƯỜNG (đồng)		
			Số tờ	Số thửa	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )			Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	Đất nông nghiệp công ích do UBND phường quản lý	Đất đai		
											Đôi với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP	Đất nông nghiệp trồng lúa, tăng lên so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (chưa có GCN QSD đất, đủ điều kiện cấp GCN QSD đất)	Đất công, đất NN công ích do UBND phường quản lý
20	17	Hộ ông Hà Thị Lợi (Phan Văn Hải)	2	13	155,1	9,7	5	148,0	7,1		26.640.000	1.278.000	0
21	18	Hộ ông Phan Văn Tiếp đã chết vợ Hà Thị Hạnh	3	22	194,9	9,7	3	152,0	42,9		27.360.000	7.722.000	0
22		Hộ ông Phan Văn Tiếp đã chết vợ Hà Thị Hạnh	2	76	230,5			230,0	0,5		41.400.000	90.000	0
23	19	Hộ bà Phan Thị Hoà	1	22	478,9	16,1	6	478,9	0,0		86.202.000	0	0
24	20	Hộ ông Phan Văn Hòa	2	66	57,2	3,7		57,2	0,0		10.296.000	0	0
25		Hộ ông Phan Văn Hòa	3	39	33,0			33,0	0,0		5.940.000	0	0
26	21	Hộ ông Nguyễn Văn Bái (đã chết) con dâu Cao Thị Hồng	2	18	109,1	21,5		97,0	12,1		17.460.000	2.178.000	0
27		Hộ ông Nguyễn Văn Bái (đã chết) con dâu bà Cao Thị Hồng	2	31	157,6	0,0		157,6	0,0		28.368.000	0	0
28		Hộ ông Nguyễn Văn Bái (đã chết) con dâu bà Cao Thị Hồng	2	45	435,3	0,0		344,0	91,3		61.920.000	16.434.000	0
29		Hộ ông Nguyễn Văn Bái (đã chết) con dâu Cao Thị Hồng	2	95	206,4	0,0		179,0	27,4		32.220.000	4.932.000	0
30		Hộ ông Nguyễn Văn Bái (đã chết) con dâu Cao Thị Hồng	3	31	164,7	0,0		164,7	0,0		29.646.000	0	0
31	22	Hộ ông Nguyễn Văn Huân	2	57	72,8	5,6	3	72,8	0,0		13.104.000	0	0

STT theo thửa đất	Số hồ sơ	HỌ VÀ TÊN CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT	Đất đai			Tỷ lệ % mất đất	Nhân khẩu đủ điều kiện hỗ trợ	Loại đất thu hồi			PHẦN BÒI THƯỜNG (đồng)		
			Số tờ	Số thửa	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )			Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	Đất nông nghiệp công ích do UBND phường quản lý	Đất đai		
											Đôi với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP	Đất nông nghiệp trồng lúa, tăng lên so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (chưa có GCN QSD đất, đủ điều kiện cấp GCN QSD đất)	Đất công, đất NN công ích do UBND phường quản lý
32	23	Hộ ông Phan Việt Hùng	2	44	354,3	42,5	4	351,0	3,3		63.180.000	594.000	0
33		Hộ ông Phan Việt Hùng	2	60	208,8			208,8	0,0		37.584.000	0	0
34		Hộ ông Phan Việt Hùng	2	63	743,2			743,2	0,0		133.776.000	0	0
35	24	Hộ ông Bùi Ngọc Hưng	3	2	88,5	4,3	3	88,5	0,0		15.930.000	0	0
36	25	Hộ bà Quách Thị Khải (con là bà Đỗ Thị Lâm Hương)	2	3	74,6	15,7	6	74,6	0,0		13.428.000	0	0
37		Hộ bà Quách Thị Khải (con là bà Đỗ Thị Lâm Hương)	2	6	91,1			80,0	11,1		14.400.000	1.998.000	0
38	26	Hộ bà Hà Thị Hương	2	88	269,8	51,2	3	262,0	7,8		47.160.000	1.404.000	0
39		Hộ bà Hà Thị Hương	2	96	326,1			322,0	4,1		57.960.000	738.000	0
40	27	Hộ bà Nguyễn Thị Hương	3	9	554,7	20,7	6	554,7	0,0		99.846.000	0	0
41	28	Hộ ông Hà Văn Hưởng	1	48	90,3	6,2		90,3	0,0		16.254.000	0	0
42	29	Hộ bà Phan Thị Khay	2	5	89,3	10,0	5	89,3	0,0		16.074.000	0	0

STT theo thửa đất	Số hồ sơ	HỌ VÀ TÊN CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT	Đất đai			Tỷ lệ % mất đất	Nhân khẩu đủ điều kiện hỗ trợ	Loại đất thu hồi			PHẦN BÒI THƯỜNG (đồng)		
			Số tờ	Số thửa	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )			Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	Đất nông nghiệp công ích do UBND phường quản lý	Đất đai		
											Đôi với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP	Đất nông nghiệp trồng lúa, tăng lên so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (chưa có GCN QSD đất, đủ điều kiện cấp GCN QSD đất)	Đất công, đất NN công ích do UBND phường quản lý
43	30	Hộ ông Nguyễn Văn Kiểm	3	42	181,4	21,5	2	181,4	0,0		32.652.000	0	0
44	31	Hộ ông Hà Văn Sung (đã chết) con dâu bà Nguyễn Thị Kiệm	3	25	291,5	7,2	1	291,5	0,0		52.470.000	0	0
45	32	Hộ ông Phan Văn Kim	1	41	106,4	9,6	1	74,0	32,4		13.320.000	5.832.000	0
46	33	Hộ ông Hà Ngọc Lan	3	40	655,1	17,8	4	655,1	0,0		117.918.000	0	0
47	34	Hộ bà Nguyễn Thị Lăng	3	19	212,1	6,9	5	70,0	142,1		12.600.000	25.578.000	0
48		Hộ bà Nguyễn Thị Lăng	3	30	34,6	0,0		34,6	0,0		6.228.000	0	0
49	35	Hộ bà Phan Thị Lịch	2	23	129,7	6,6	1	129,7	0,0		23.346.000	0	0
50	36	Hộ ông Phan Văn Liêm	1	35	161,2	8,8	7	161,2	0,0		29.016.000	0	0
51	37	Hộ ông Phan Vĩnh Lộc	1	3	16,9	0,6		16,9	0,0		3.042.000	0	0
52	38	Hộ ông Hà Văn Hải (đã chết) đại diện vợ Nguyễn Thị Lộc	2	47	30,7	10,0	2	30,7	0,0		5.526.000	0	0
53	39	Hộ ông Nguyễn Văn Long	2	40	342,8	17,5	3	342,8	0,0		61.704.000	0	0

STT theo thửa đất	Số hồ sơ	HỌ VÀ TÊN CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT	Đất đai			Tỷ lệ % mất đất	Nhân khẩu đủ điều kiện hỗ trợ	Loại đất thu hồi			PHẦN BÒI THƯỜNG (đồng)		
			Số tờ	Số thửa	Diện tích thu hồi (m2)			Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	Đất nông nghiệp công ích do UBND phường quản lý	Đất đai		
											Đôi với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP	Đất nông nghiệp trồng lúa, tăng lên so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (chưa có GCN QSD đất, đủ điều kiện cấp GCN QSD đất)	Đất công, đất NN công ích do UBND phường quản lý
54	40	Hộ ông Phan Văn Luyện	3	20	180,4	10,3	3	180,0	0,4		32.400.000	72.000	0
55	41	Hộ bà Phan Thị Mai	3	28	343,6	17,4		288,0	55,6		51.840.000	10.008.000	0
56	42	Hộ ông Hà Văn Lớn (đã chết) con trai ông Hà Văn Nam	2	43	100,0	4,2		100,0	0,0		18.000.000	0	0
57	43	Hộ bà Phan Thị Năm	2	37	331,4	31,3	4	331,0	0,4		59.580.000	72.000	0
58		Hộ bà Phan Thị Năm	2	38	289,8	0,0		289,0	0,8		52.020.000	144.000	0
59		Hộ bà Phan Thị Năm	2	69	457,3	0,0		229,0		228,3	41.220.000	0	0
60	44	Hộ ông Nguyễn Văn Hòa (đã chết) vợ là bà Cao Thị Năm	2	59	126,0	5,0	2	126,0	0,0		22.680.000	0	0
61	45	Hộ bà Nguyễn Thị Năm	2	68	342,9	18,1	3	336,0	6,9		60.480.000	1.242.000	0
62		Hộ bà Nguyễn Thị Năm	2	81	339,8	0,0		249,5	90,3		44.910.000	16.254.000	0
63	46	Hộ bà Phan Thị Ngâm	2	101	176,4	7,8	3			176,4	0	0	0
64		Hộ bà Phan Thị Ngâm	3	14	49,1			49,1	0,0		8.838.000	0	0

STT theo thửa đất	Số hồ sơ	HỌ VÀ TÊN CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT	Đất đai			Tỷ lệ % mất đất	Nhân khẩu đủ điều kiện hỗ trợ	Loại đất thu hồi			PHẦN BÒI THƯỜNG (đồng)		
			Số tờ	Số thửa	Diện tích thu hồi (m2)			Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	Đất nông nghiệp công ích do UBND phường quản lý	Đất đai			
										Đôi với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP	Đất nông nghiệp trồng lúa, tăng lên so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (chưa có GCN QSD đất, đủ điều kiện cấp GCN QSD đất)	Đất công, đất NN công ích do UBND phường quản lý	
65	47	Hộ bà Nguyễn Thị Nghia	1	45	100,1	4,5	3	100,1	0,0		18.018.000	0	0
66	48	Hộ bà Giang Thị Ngọc	2	41	410,5	13,8	4	410,5	0,0		73.890.000	0	0
67		Hộ bà Giang Thị Ngọc	3	138	157,5			157,0	0,5		28.260.000	90.000	0
68	49	Hộ bà Giang Thị Nhung	2	91	51,5	10,0	3	37,0	14,5		6.660.000	2.610.000	0
69	50	Hộ ông Đỗ Văn Thế (đã chết) con là ông Đỗ Văn Ninh	1	52	95,3	4,2	2	21,0	74,3		3.780.000	13.374.000	0
70	51	Hộ bà Bùi Thị Ninh	2	67	148,5	15,2	5	148,5	0,0		26.730.000	0	0
71		Hộ bà Bùi Thị Ninh	3	7	248,0	0,0		248,0	0,0		44.640.000	0	0
72	52	Hộ bà Phan Thị Oanh	2	58	200,2	19,6		192,0	8,2		34.560.000	1.476.000	0
73		Hộ bà Phan Thị Oanh	2	83	172,4	0,0		149,0	23,4		26.820.000	4.212.000	0
74		Hộ bà Phan Thị Oanh	2	86	166,5	0,0		166,5	0,0		29.970.000	0	0
75	53	Hộ bà Giang Thị Phấn	1	24	92,1	15,6	5	92,1	0,0		16.578.000	0	0
76		Hộ bà Giang Thị Phấn	2	79	230,5	0,0		230,0	0,5		41.400.000	90.000	0

STT theo thửa đất	Số hồ sơ	HỌ VÀ TÊN CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT	Đất đai			Tỷ lệ % mất đất	Nhân khẩu đủ điều kiện hỗ trợ	Loại đất thu hồi			PHẦN BÒI THƯỜNG (đồng)		
			Số tờ	Số thửa	Diện tích thu hồi (m2)			Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	Đất nông nghiệp công ích do UBND phường quản lý	Đất đai		
											Đôi với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP	Đất nông nghiệp trồng lúa, tăng lên so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (chưa có GCN QSD đất, đủ điều kiện cấp GCN QSD đất)	Đất công, đất NN công ích do UBND phường quản lý
77	54	Hộ ông Phan Văn Tư (đã chết) vợ là bà Giang Thị Phương	3	35	144,2	7,9		60,5	43,5	40,2	10.890.000	7.830.000	0
78		Hộ ông Phan Văn Tư (đã chết) vợ là bà Giang Thị Phương	3	38	110,8	0,0		110,8	0,0		19.944.000	0	0
79	55	Hộ bà Phan Thị Minh Phương	1	10	102,1			68,0	34,1		12.240.000	6.138.000	0
80	56	Hộ ông Kiều Văn Quốc	3	48	59,0	1,8	3	56,0	3,0		10.080.000	540.000	0
81	57	Hộ ông Hà Văn Phồn (đã chết) con là ông Hà Kim Quy	2	50	94,6	8,8	5	0	94,6		0	17.028.000	0
82		Hộ ông Hà Văn Phồn (đã chết) con là ông Hà Kim Quy	2	93	96,7	0,0		23,0	73,7		4.140.000	13.266.000	0
83		Hộ ông Hà Văn Phồn (đã chết) con là ông Hà Kim Quy	3	13	175,3	0,0		173,0	2,3		31.140.000	414.000	0
84	58	Hộ ông Hà Văn Soạn	1	44	136,6	5,3		136,6	0,0		24.588.000	0	0
85		Hộ ông Hà Văn Soạn	2	22	27,2	0,0		27,2	0,0		4.896.000	0	0
86	59	Ông Hà Văn Sơn	3	51	607,6	100,0	1	607,6	0,0		109.368.000	0	0
87	60	Hộ bà Hà Thị Sơn	2	77	336,2	24,5	2	336,0	0,2		60.480.000	36.000	0

STT theo thửa đất	Số hồ sơ	HỌ VÀ TÊN CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT	Đất đai			Tỷ lệ % mất đất	Nhân khẩu đủ điều kiện hỗ trợ	Loại đất thu hồi			PHẦN BÒI THƯỜNG (đồng)		
			Số tờ	Số thửa	Diện tích thu hồi (m2)			Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	Đất nông nghiệp công ích do UBND phường quản lý	Đất đai			
										Đôi với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP	Đất nông nghiệp trồng lúa, tăng lên so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (chưa có GCN QSD đất, đủ điều kiện cấp GCN QSD đất)	Đất công, đất NN công ích do UBND phường quản lý	
88	61	Hộ bà Kiều Thị Tới (đã chết) con là ông Phan Văn Sùng	3	36	439,6	17,8		438,0	1,6		78.840.000	288.000	0
89	62	Hộ ông Phan Ngọc Thái	1	42	86,0	8,7		86,0	0,0		15.480.000	0	0
90	63	Hộ bà Trương Thị Thắm	2	48	334,4	12,6	6	334,4	0,0		60.192.000	0	0
91	64	Hộ ông Nguyễn Văn Thân	2	55	425,5	9,9		425,5	0,0		76.590.000	0	0
92	65	Hộ ông Nguyễn Văn Châng (đã chết) con gái bà Nguyễn Thị	2	24	134,1	2,9	4	104,0	30,1		18.720.000	5.418.000	0
93	66	Hộ bà Đặng Thị Thanh	2	75	82,2	5,6	4	82,2	0,0		14.796.000	0	0
94	67	Hộ bà Phan Thị Thanh	2	99	51,9	2,1		51,9	0,0		9.342.000	0	0
95	68	Hộ ông Hà Hữu Thê	1	47	32,2	4,9	4	32,2	0,0		5.796.000	0	0
96		Hộ ông Hà Hữu Thê	2	32	149,3	0,0		149,0	0,3		26.820.000	54.000	0
97	69	Hộ ông Nguyễn Văn Thân đã chết, Nguyễn Thị Thiệp	3	43	237,6	10,0	4	237,6	0,0		42.768.000	0	0
98	70	Hộ bà Đỗ Thị Thả (đã chết) con là ông Phan Văn Thiết	1	38	341,6	6,2	7	341,6	0,0		61.488.000	0	0

STT theo thửa đất	Số hồ sơ	HỌ VÀ TÊN CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT	Đất đai			Tỷ lệ % mất đất	Nhân khẩu đủ điều kiện hỗ trợ	Loại đất thu hồi			PHẦN BÒI THƯỜNG (đồng)		
			Số tờ	Số thửa	Diện tích thu hồi (m2)			Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP	Đất nông nghiệp công ích do UBND phường quản lý	Đất đai		
											Đôi với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP	Đất nông nghiệp trồng lúa, tăng lên so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (chưa có GCN QSD đất, đủ điều kiện cấp GCN QSD đất)	Đất công, đất NN công ích do UBND phường quản lý
99	71	Hộ ông Đỗ Văn Thịnh	2	21	356,2	10,4	5	343,0	13,2		61.740.000	2.376.000	0
100	72	Hộ ông Phan Văn Xuyên đã chết, vợ Hà Thị Thọ	3	33	196,1	5,9	4	196,0	0,1		35.280.000	18.000	0
101	73	Hộ bà Quách Thị Thử	1	46	482,3	15,1	5	482,2	0,1		86.796.000	18.000	0
102		Hộ bà Quách Thị Thử	1	50	82,9	0,0		82,9	0,0		14.922.000	0	0
103	74	Hộ bà Phan Thị Thuận	1	28	369,8			369,8	0,0		66.564.000	0	0
104	75	Hộ bà Phan Thị Thủy	1	54	321,9	21,2	8	320,0	1,9		57.600.000	342.000	0
105		Hộ bà Phan Thị Thủy	3	135	201,3	0,0		200,0	1,3		36.000.000	234.000	0
106	76	Hộ ông Hà Văn Tiến	2	46	214,4	15,5	4	214,4	0,0		38.592.000	0	0
107	77	Hộ bà Hà Thị Ngân (đã chết) con là ông Phan Văn Tiến	3	26	212,9	9,0	4	205,0	7,9		36.900.000	1.422.000	0
108	78	Hộ bà Kiều Thị Tinh	2	20	344,3	9,6		343,0	1,3		61.740.000	234.000	0
109	70	Hộ ông Nguyễn Văn Mão (Đen) đã chết) vợ là bà Khuất Thị Tinh	2	51	52,9	31,4		0	0,0	52,9	0	0	0

STT theo thửa đất	Số hồ sơ	HỌ VÀ TÊN CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT	Đất đai			Tỷ lệ % mất đất	Nhân khẩu đủ điều kiện hỗ trợ	Loại đất thu hồi			PHẦN BÒI THƯỜNG (đồng)		
			Số tờ	Số thửa	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )			Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	Đất nông nghiệp công ích do UBND phường quản lý	Đất đai		
											Đôi với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP	Đất nông nghiệp trồng lúa, tăng lên so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (chưa có GCN QSD đất, đủ điều kiện cấp GCN QSD đất)	Đất công, đất NN công ích do UBND phường quản lý
110		Hộ ông Nguyễn Văn Mão (Đen) đã chết) vợ là bà Khuất Thị Tinh	2	54	75,4	0,0		42,0	33,4		7.560.000	6.012.000	0
111	80	Hộ ông Hà Văn Toán	2	71	206,5	9,1		206,5	0,0		37.170.000	0	0
112	81	Hộ ông Phan Văn Trực	2	85	256,8	29,3	2	256,8	0,0		46.224.000	0	0
113		Hộ ông Phan Văn Trực	2	82	185,2		0	178,0	7,2		32.040.000	1.296.000	0
114		Hộ ông Phan Văn Trực	3	17	224,3	0,0		224,3	0,0		40.374.000	0	0
115	82	Hộ ông Phan Văn Trường	1	27	144,6	8,6		144,6	0,0		26.028.000	0	0
116	83	Hộ ông Nguyễn Văn Tuấn	2	64	162,4	7,2	3	161,0	1,4		28.980.000	252.000	0
117		Hộ ông Nguyễn Văn Tuấn	3	12	81,5	0,0		81,0	0,5		14.580.000	90.000	0
118	84	Hộ ông Nguyễn Văn Tý	2	52	748,9	15,0	5	448,0		300,9	80.640.000	0	0
119	85	Hộ bà Nguyễn Thị Văn	1	51	115,0	5,7	8	115,0	0,0		20.700.000	0	0
120		Hộ ông Phan Văn Ve	2	30	11,5	5,5	7	11,5	0,0		2.070.000	0	0

STT theo thửa đất	Số hồ sơ	HỌ VÀ TÊN CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT	Đất đai			Tỷ lệ % mất đất	Nhân khẩu đủ điều kiện hỗ trợ	Loại đất thu hồi			PHẦN BÒI THƯỜNG (đồng)		
			Số tờ	Số thửa	Diện tích thu hồi (m2)			Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	Đất nông nghiệp công ích do UBND phường quản lý	Đất đai		
											Đôi với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP	Đất nông nghiệp trồng lúa, tăng lên so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (chưa có GCN QSD đất, đủ điều kiện cấp GCN QSD đất)	Đất công, đất NN công ích do UBND phường quản lý
121	86	Hộ ông Phan Văn Ve	2	70	117,7	0,0		92,0		25,7	16.560.000	0	0
122		Hộ ông Phan Văn Ve	3	41	110,5	0,0		110,5	0,0		19.890.000	0	0
123	87	Hộ ông Giang Văn Tường (đã chết) đại diện con trai là ông	2	16	104,1	17,6	6	104,1	0,0		18.738.000	0	0
124		Hộ ông Giang Văn Tường (đã chết) đại diện con trai là ông	3	47	96,3	0,0		0,0	96,3		0	0	0
125		Hộ ông Giang Văn Tường (đã chết) đại diện con trai là ông	3	52	473,2	0,0		473,0	0,2		85.140.000	36.000	0
126	88	Hộ ông Phan Thê Việt	2	89	262,1	10,3	5	262,0	0,1		47.160.000	18.000	0
127	89	Hộ ông Đỗ Văn Vĩnh	3	34	282,5	23,7	1	282,5	0,0		50.850.000	0	0
128	90	Hộ ông Giang Văn Vượng	1	39	246,2	18,1	8	246,2	0,0		44.316.000	0	0
129		Hộ ông Giang Văn Vượng	2	36	246,5	0,0		246,5	0,0		44.370.000	0	0
130	91	Hộ ông Đỗ Văn Vượng	3	137	306,5			306,0	0,5		55.080.000	90.000	0
131	92	Hộ ông Hà Hữu Vy	1	30	189,4	6,6	5	178,0	11,4		32.040.000	2.052.000	0

STT theo thửa đất	Số hồ sơ	HỌ VÀ TÊN CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT	Đất đai			Tỷ lệ % mất đất	Nhân khẩu đủ điều kiện hỗ trợ	Loại đất thu hồi			PHẦN BÒI THƯỜNG (đồng)		
			Số tờ	Số thửa	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )			Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	Đất nông nghiệp công ích do UBND phường quản lý	Đất đai		
											Đôi với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP	Đất nông nghiệp trồng lúa, tăng lên so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (chưa có GCN QSD đất, đủ điều kiện cấp GCN QSD đất)	Đất công, đất NN công ích do UBND phường quản lý
132	93	Hộ ông Bùi Văn Xuân	2	33	461,2	29,5	5	460,0	1,2		82.800.000	216.000	0
133		Hộ ông Bùi Văn Xuân	3	46	545,4	0,0		501,0	44,4		90.180.000	7.992.000	0
134	94	Hộ ông Hà Văn Yên	3	37	165,9	4,8	7	165,0	0,9		29.700.000	162.000	0
135		Hộ ông Hà Văn Yên	2	53	12,9	0,0		12,9	0,0		2.322.000	0	0
136	95	Hộ ông Phan Văn Xế (đã chết) vợ là bà Hà Thị Yên	1	55	70,1	2,6	4	70,1	0,0		12.618.000	0	0
137	96	Hộ ông Phan Văn Trục (Na)	2	27	299,8	27,3	11	299,8	0,0		53.964.000	0	0
138		Hộ ông Phan Văn Trục (Na)	2	87	51,7		0	51,7	0,0		9.306.000	0	0
139	97	Hộ ông Hà Văn Hiệp	2	39	33,10	82,2		33,1	0,0		5.958.000	0	0
140		Hộ ông Hà Văn Hiệp	2	65	485,0			375,0		110,0	67.500.000	0	0
141		Hộ ông Hà Văn Hiệp	3	8	19,6			0,0	19,6		0	3.528.000	0
142		Hộ ông Hà Văn Hiệp	3	53	181,8			173,0	8,8		31.140.000	1.584.000	0
<b>Tổng cộng</b>					<b>30245,6</b>		<b>310</b>	<b>27657,80</b>	<b>1342,80</b>	<b>1245,00</b>	<b>4.978.404.000</b>	<b>241.704.000</b>	<b>0</b>

**BẢNG CHI TIẾT KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

STT theo thửa đất	Số hồ sơ	HỌ VÀ TÊN CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT	PHẦN BỒI THƯỜNG (đồng)	PHẦN HỖ TRỢ (đồng)				TỔNG CỘNG (đồng)
				Bồi thường bằng 100% đơn giá đối với cây, hoa màu	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP, hộ gia đình trực tiếp SX nông nghiệp	Đất nông nghiệp trồng lúa, tăng lên so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đủ điều kiện cấp GCN QSD đất)	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>15</i>	<i>16</i>	<i>17</i>	<i>18</i>	<i>20</i>	<i>21</i>
1	1	Hộ ông Đỗ Văn Bài	0	240.306.000	0	5.976.000	3.972.000	<b>321.750.000</b>
2	2	Hộ ông Nguyễn Văn Bảy	1.647.800	129.470.000	0	0	2.140.000	<b>171.777.800</b>
3	3	Hộ ông Đỗ Văn Bình	0	122.815.000	302.500	0	2.035.000	<b>161.782.500</b>
4	4	Hộ bà Cao Thị Cây	579.810	45.556.500	0	10.458.000	753.000	<b>70.901.310</b>
5		Hộ bà Cao Thị Cây	123.970	9.740.500	0	0	161.000	<b>12.923.470</b>
6	5	Hộ bà Phan Thị Chè	0	164.560.000	43.257.500	5.976.000	3.435.000	<b>279.058.500</b>
7		Hộ bà Phan Thị Chè	0	134.310.000	5.808.000	0	2.316.000	<b>184.122.000</b>
8	6	Hộ ông Phan Văn Chiến	0	157.300.000	60.500	11.952.000	2.601.000	<b>218.731.500</b>

STT theo thửa đất	Số hồ sơ	HỌ VÀ TÊN CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT	PHẦN BỒI THƯỜNG (đồng)	PHẦN HỖ TRỢ (đồng)				TỔNG CỘNG (đồng)	
				Bồi thường bằng 100% đơn giá đối với cây, hoa màu	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>		Hỗ trợ ổn định đời sống: Tỷ lệ thu hồi dưới 30% hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu. Tỷ lệ thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ bằng: 06 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 2.988.000 đồng/khẩu. Tỷ lệ thu hồi trên 70% hỗ trợ bằng: 12 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 5.976.000 đồng/khẩu		Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng;
					Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP, hộ gia đình trực tiếp SX nông nghiệp	Đất nông nghiệp trồng lúa, tăng lên so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đủ điều kiện cấp GCN QSD đất)			
9	7	Hộ bà Nguyễn Thị Choè	0	118.580.000	4.779.500	2.988.000	2.039.000	<b>165.088.500</b>	
10	8	Hộ bà Nguyễn Thị Quán (đã chết) con là ông Phan Văn Cường	0	0	23.655.500	0	391.000	<b>31.084.500</b>	
11	9	Hộ ông Phan Thế Cường	0	291.126.000	0	14.940.000	4.812.000	<b>397.494.000</b>	
12	10	Hộ bà Nguyễn Thị Dần	0	203.280.000	544.500	5.976.000	3.369.000	<b>273.811.500</b>	
13	11	Hộ bà Hà Thị Điền	81.950	9.014.500	0	5.976.000	149.000	<b>17.903.450</b>	
14		Hộ bà Hà Thị Điền	1.713.250	188.155.000	302.500	0	3.115.000	<b>249.355.750</b>	
15	12	Hộ bà Giang Thị Doan	1.153.460	90.629.000	0	5.976.000	1.498.000	<b>126.220.460</b>	
16	13	Hộ bà Đỗ Thị Đông	960.850	36.300.000	69.393.500	8.964.000	1.747.000	<b>148.811.350</b>	
17	14	Hộ ông Nguyễn Tiến Đức	1.221.550	134.310.000	60.500	5.976.000	2.221.000	<b>183.767.050</b>	
18	15	Hộ ông Phan Văn Dũng ( Tuất)	0	110.715.000	726.000	2.988.000	1.842.000	<b>149.427.000</b>	
19	16	Hộ ông Phan Văn Dũng ( Nhung)	0	0	0		0	<b>0</b>	

STT theo thửa đất	Số hồ sơ	HỌ VÀ TÊN CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT	PHẦN BỒI THƯỜNG (đồng)	PHẦN HỖ TRỢ (đồng)			TỔNG CỘNG (đồng)	
			Bồi thường bằng 100% đơn giá đối với cây, hoa màu	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>		Hỗ trợ ổn định đời sống: Tỷ lệ thu hồi dưới 30% hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu. Tỷ lệ thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ bằng: 06 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 2.988.000 đồng/khẩu. Tỷ lệ thu hồi trên 70% hỗ trợ bằng: 12 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 5.976.000 đồng/khẩu		Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng;
				Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP, hộ gia đình trực tiếp SX nông nghiệp	Đất nông nghiệp trồng lúa, tăng lên so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đủ điều kiện cấp GCN QSD đất)			
20	17	Hộ ông Hà Thị Lợi (Phan Văn Hải)	0	89.540.000	4.295.500	7.470.000	1.551.000	<b>130.774.500</b>
21	18	Hộ ông Phan Văn Tiếp đã chết vợ Hà Thị Hạnh	0	91.960.000	25.954.500	4.482.000	1.949.000	<b>159.427.500</b>
22		Hộ ông Phan Văn Tiếp đã chết vợ Hà Thị Hạnh	0	139.150.000	302.500	0	2.305.000	<b>183.247.500</b>
23	19	Hộ bà Phan Thị Hoà	0	289.734.500	0	8.964.000	4.789.000	<b>389.689.500</b>
24	20	Hộ ông Phan Văn Hòa	0	34.606.000	0	0	572.000	<b>45.474.000</b>
25		Hộ ông Phan Văn Hòa	0	19.965.000	0	0	330.000	<b>26.235.000</b>
26	21	Hộ ông Nguyễn Văn Bái (đã chết) con dâu Cao Thị Hồng	0	58.685.000	7.320.500	0	360.000	<b>86.003.500</b>
27		Hộ ông Nguyễn Văn Bái (đã chết) con dâu bà Cao Thị Hồng	0	95.348.000	0	0	1.576.000	<b>125.292.000</b>
28		Hộ ông Nguyễn Văn Bái (đã chết) con dâu bà Cao Thị Hồng	3.351.810	208.120.000	55.236.500	0	4.353.000	<b>349.415.310</b>
29		Hộ ông Nguyễn Văn Bái (đã chết) con dâu Cao Thị Hồng	1.135.200	108.295.000	16.577.000	0	2.064.000	<b>165.223.200</b>
30		Hộ ông Nguyễn Văn Bái (đã chết) con dâu Cao Thị Hồng	0	99.643.500	0	0	1.647.000	<b>130.936.500</b>
31	22	Hộ ông Nguyễn Văn Huấn	400.400	44.044.000	0	4.482.000	728.000	<b>62.758.400</b>

STT theo thửa đất	Số hồ sơ	HỌ VÀ TÊN CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT	PHẦN BỒI THƯỜNG (đồng)	PHẦN HỖ TRỢ (đồng)				TỔNG CỘNG (đồng)	
				Bồi thường bằng 100% đơn giá đối với cây, hoa màu	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>		Hỗ trợ ổn định đời sống: Tỷ lệ thu hồi dưới 30% hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu. Tỷ lệ thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ bằng: 06 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 2.988.000 đồng/khẩu. Tỷ lệ thu hồi trên 70% hỗ trợ bằng: 12 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 5.976.000 đồng/khẩu		Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng;
					Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP, hộ gia đình trực tiếp SX nông nghiệp	Đất nông nghiệp trồng lúa, tăng lên so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đủ điều kiện cấp GCN QSD đất)			
32	23	Hộ ông Phan Việt Hùng	0	212.355.000	1.996.500	11.952.000	480.000	<b>290.557.500</b>	
33		Hộ ông Phan Việt Hùng	0	126.324.000	0	0	2.088.000	<b>165.996.000</b>	
34		Hộ ông Phan Việt Hùng	0	449.636.000	0	0	7.432.000	<b>590.844.000</b>	
35	24	Hộ ông Bùi Ngọc Hưng	0	53.542.500	0	4.482.000	885.000	<b>74.839.500</b>	
36	25	Hộ bà Quách Thị Khải (con là bà Đỗ Thị Lâm Hương)	0	45.133.000	0	8.964.000	746.000	<b>68.271.000</b>	
37		Hộ bà Quách Thị Khải (con là bà Đỗ Thị Lâm Hương)	0	48.400.000	6.715.500	0	911.000	<b>72.424.500</b>	
38	26	Hộ bà Hà Thị Hương	0	158.510.000	4.719.000	8.964.000	2.698.000	<b>223.455.000</b>	
39		Hộ bà Hà Thị Hương	0	194.810.000	2.480.500	0	3.261.000	<b>259.249.500</b>	
40	27	Hộ bà Nguyễn Thị Hương	3.605.550	335.593.500	0	8.964.000	5.547.000	<b>453.556.050</b>	
41	28	Hộ ông Hà Văn Hưởng	0	54.631.500	0	0	903.000	<b>71.788.500</b>	
42	29	Hộ bà Phan Thị Khay	0	54.026.500	0	7.470.000	893.000	<b>78.463.500</b>	

STT theo thửa đất	Số hồ sơ	HỌ VÀ TÊN CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT	PHẦN BỒI THƯỜNG (đồng)	PHẦN HỖ TRỢ (đồng)			TỔNG CỘNG (đồng)		
				Bồi thường bằng 100% đơn giá đối với cây, hoa màu	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>			Hỗ trợ ổn định đời sống: Tỷ lệ thu hồi dưới 30% hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu. Tỷ lệ thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ bằng: 06 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 2.988.000 đồng/khẩu. Tỷ lệ thu hồi trên 70% hỗ trợ bằng: 12 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 5.976.000 đồng/khẩu	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng;
					Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP, hộ gia đình trực tiếp SX nông nghiệp	Đất nông nghiệp trồng lúa, tăng lên so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đủ điều kiện cấp GCN QSD đất)			
43	30	Hộ ông Nguyễn Văn Kiểm	1.396.780	109.747.000	0	2.988.000	1.814.000	<b>148.597.780</b>	
44	31	Hộ ông Hà Văn Sung (đã chết) con dâu bà Nguyễn Thị Kiệm	0	176.357.500	0	1.494.000	2.915.000	<b>233.236.500</b>	
45	32	Hộ ông Phan Văn Kim	0	44.770.000	19.602.000	1.494.000	1.064.000	<b>86.082.000</b>	
46	33	Hộ ông Hà Ngọc Lan	5.044.270	396.335.500	0	5.976.000	6.551.000	<b>531.824.770</b>	
47	34	Hộ bà Nguyễn Thị Lăng	0	42.350.000	85.970.500	7.470.000	2.121.000	<b>176.089.500</b>	
48		Hộ bà Nguyễn Thị Lăng	0	20.933.000	0	0	346.000	<b>27.507.000</b>	
49	35	Hộ bà Phan Thị Lịch	713.350	78.468.500	0	1.494.000	1.297.000	<b>105.318.850</b>	
50	36	Hộ ông Phan Văn Liêm	0	97.526.000	0	10.458.000	1.612.000	<b>138.612.000</b>	
51	37	Hộ ông Phan Vĩnh Lộc	0	10.224.500	0	0	169.000	<b>13.435.500</b>	
52	38	Hộ ông Hà Văn Hải (đã chết) đại diện vợ Nguyễn Thị Lộc	199.550	18.573.500	0	2.988.000	307.000	<b>27.594.050</b>	
53	39	Hộ ông Nguyễn Văn Long	0	207.394.000	0	4.482.000	3.428.000	<b>277.008.000</b>	

STT theo thửa đất	Số hồ sơ	HỌ VÀ TÊN CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT	PHẦN BỒI THƯỜNG (đồng)	PHẦN HỖ TRỢ (đồng)				TỔNG CỘNG (đồng)	
				Bồi thường bằng 100% đơn giá đối với cây, hoa màu	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>		Hỗ trợ ổn định đời sống: Tỷ lệ thu hồi dưới 30% hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu. Tỷ lệ thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ bằng: 06 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 2.988.000 đồng/khẩu. Tỷ lệ thu hồi trên 70% hỗ trợ bằng: 12 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 5.976.000 đồng/khẩu		Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng;
					Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP, hộ gia đình trực tiếp SX nông nghiệp	Đất nông nghiệp trồng lúa, tăng lên so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đủ điều kiện cấp GCN QSD đất)			
54	40	Hộ ông Phan Văn Luyến	0	108.900.000	242.000	4.482.000	1.804.000	<b>147.900.000</b>	
55	41	Hộ bà Phan Thị Mai	0	174.240.000	33.638.000	0	3.436.000	<b>273.162.000</b>	
56	42	Hộ ông Hà Văn Lớn (đã chết) con trai ông Hà Văn Nam	0	60.500.000	0	0	1.000.000	<b>79.500.000</b>	
57	43	Hộ bà Phan Thị Năm	0	200.255.000	242.000	11.952.000	3.314.000	<b>275.415.000</b>	
58		Hộ bà Phan Thị Năm	0	174.845.000	484.000	0	2.898.000	<b>230.391.000</b>	
59		Hộ bà Phan Thị Năm	0	138.545.000	0	0	2.290.000	<b>182.055.000</b>	
60	44	Hộ ông Nguyễn Văn Hòa (đã chết) vợ là bà Cao Thị Năm	0	76.230.000	0	2.988.000	1.260.000	<b>103.158.000</b>	
61	45	Hộ bà Nguyễn Thị Năm	0	203.280.000	4.174.500	4.482.000	3.429.000	<b>277.087.500</b>	
62		Hộ bà Nguyễn Thị Năm	0	150.947.500	54.631.500	0	3.398.000	<b>270.141.000</b>	
63	46	Hộ bà Phan Thị Ngâm	0	0	0	4.482.000	0	<b>4.482.000</b>	
64		Hộ bà Phan Thị Ngâm	0	29.705.500	0	0	491.000	<b>39.034.500</b>	

STT theo thửa đất	Số hồ sơ	HỌ VÀ TÊN CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT	PHẦN BỒI THƯỜNG (đồng)		PHẦN HỖ TRỢ (đồng)			TỔNG CỘNG (đồng)
			Bồi thường bằng 100% đơn giá đối với cây, hoa màu	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP, hộ gia đình trực tiếp SX nông nghiệp	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>	Hỗ trợ ổn định đời sống: Tỷ lệ thu hồi dưới 30% hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu. Tỷ lệ thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ bằng: 06 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 2.988.000 đồng/khẩu. Tỷ lệ thu hồi trên 70% hỗ trợ bằng: 12 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 5.976.000 đồng/khẩu	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng;	
65	47	Hộ bà Nguyễn Thị Nghĩa	0	60.560.500	0	4.482.000	1.001.000	<b>84.061.500</b>
66	48	Hộ bà Giang Thị Ngọc	0	248.352.500	0	5.976.000	4.105.000	<b>332.323.500</b>
67		Hộ bà Giang Thị Ngọc	0	94.985.000	302.500	0	1.575.000	<b>125.212.500</b>
68	49	Hộ bà Giang Thị Nhung	0	22.385.000	8.772.500	4.482.000	515.000	<b>45.424.500</b>
69	50	Hộ ông Đỗ Văn Thế (đã chết) con là ông Đỗ Văn Ninh	0	12.705.000	44.951.500	2.988.000	953.000	<b>78.751.500</b>
70	51	Hộ bà Bùi Thị Ninh	0	89.842.500	0	7.470.000	1.485.000	<b>125.527.500</b>
71		Hộ bà Bùi Thị Ninh	0	150.040.000	0	0	2.480.000	<b>197.160.000</b>
72	52	Hộ bà Phan Thị Oanh	0	116.160.000	4.961.000	0	2.002.000	<b>159.159.000</b>
73		Hộ bà Phan Thị Oanh	0	90.145.000	14.157.000	0	1.724.000	<b>137.058.000</b>
74		Hộ bà Phan Thị Oanh	0	100.732.500	0	0	1.665.000	<b>132.367.500</b>
75	53	Hộ bà Giang Thị Phần	0	55.720.500	0	7.470.000	921.000	<b>80.689.500</b>
76		Hộ bà Giang Thị Phần	0	139.150.000	302.500	0	2.305.000	<b>183.247.500</b>

STT theo thửa đất	Số hồ sơ	HỌ VÀ TÊN CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT	PHẦN BỒI THƯỜNG (đồng)	PHẦN HỖ TRỢ (đồng)			TỔNG CỘNG (đồng)	
			Bồi thường bằng 100% đơn giá đối với cây, hoa màu	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>		Hỗ trợ ổn định đời sống: Tỷ lệ thu hồi dưới 30% hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu. Tỷ lệ thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ bằng: 06 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 2.988.000 đồng/khẩu. Tỷ lệ thu hồi trên 70% hỗ trợ bằng: 12 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 5.976.000 đồng/khẩu		Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng;
				Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP, hộ gia đình trực tiếp SX nông nghiệp	Đất nông nghiệp trồng lúa, tăng lên so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đủ điều kiện cấp GCN QSD đất)			
77	54	Hộ ông Phan Văn Tư (đã chết) vợ là bà Giang Thị Phương	800.800	36.602.500	26.317.500	0	1.040.000	<b>83.480.800</b>
78		Hộ ông Phan Văn Tư (đã chết) vợ là bà Giang Thị Phương	853.160	67.034.000	0	0	1.108.000	<b>88.939.160</b>
79	55	Hộ bà Phan Thị Minh Phương	0	41.140.000	20.630.500	0	1.021.000	<b>81.169.500</b>
80	56	Hộ ông Kiều Văn Quốc	454.300	33.880.000	1.815.000	4.482.000	590.000	<b>51.841.300</b>
81	57	Hộ ông Hà Văn Phồn (đã chết) con là ông Hà Kim Quy	0	0	57.233.000	7.470.000	946.000	<b>82.677.000</b>
82		Hộ ông Hà Văn Phồn (đã chết) con là ông Hà Kim Quy	0	13.915.000	44.588.500	0	967.000	<b>76.876.500</b>
83		Hộ ông Hà Văn Phồn (đã chết) con là ông Hà Kim Quy	0	104.665.000	1.391.500	0	1.753.000	<b>139.363.500</b>
84	58	Hộ ông Hà Văn Soạn	751.300	82.643.000	0	0	1.366.000	<b>109.348.300</b>
85		Hộ ông Hà Văn Soạn	149.600	16.456.000	0	0	272.000	<b>21.773.600</b>
86	59	Ông Hà Văn Sơn	0	367.598.000	0	5.976.000	6.076.000	<b>489.018.000</b>
87	60	Hộ bà Hà Thị Sơn	0	203.280.000	121.000	2.988.000	3.362.000	<b>270.267.000</b>

STT theo thửa đất	Số hồ sơ	HỌ VÀ TÊN CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT	PHẦN BỒI THƯỜNG (đồng)		PHẦN HỖ TRỢ (đồng)			TỔNG CỘNG (đồng)
			Bồi thường bằng 100% đơn giá đối với cây, hoa màu	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP, hộ gia đình trực tiếp SX nông nghiệp	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>	Hỗ trợ ổn định đời sống: Tỷ lệ thu hồi dưới 30% hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu. Tỷ lệ thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ bằng: 06 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 2.988.000 đồng/khẩu. Tỷ lệ thu hồi trên 70% hỗ trợ bằng: 12 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 5.976.000 đồng/khẩu	Thường bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường Thường bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng;	
88	61	Hộ bà Kiều Thị Tới (đã chết) con là ông Phan Văn Sùng	0	264.990.000	968.000	0	4.396.000	<b>349.482.000</b>
89	62	Hộ ông Phan Ngọc Thái	662.200	52.030.000	0	0	860.000	<b>69.032.200</b>
90	63	Hộ bà Trương Thị Thắm	0	202.312.000	0	8.964.000	3.344.000	<b>274.812.000</b>
91	64	Hộ ông Nguyễn Văn Thân	0	257.427.500	0	0	4.255.000	<b>338.272.500</b>
92	65	Hộ ông Nguyễn Văn Châng (đã chết) con gái bà Nguyễn Thị	0	62.920.000	18.210.500	5.976.000	1.341.000	<b>112.585.500</b>
93	66	Hộ bà Đặng Thị Thanh	632.940	49.731.000	0	5.976.000	822.000	<b>71.957.940</b>
94	67	Hộ bà Phan Thị Thanh	0	31.399.500	0	0	519.000	<b>41.260.500</b>
95	68	Hộ ông Hà Hữu Thê	247.940	19.481.000	0	5.976.000	322.000	<b>31.822.940</b>
96		Hộ ông Hà Hữu Thê	1.149.610	90.145.000	181.500	0	1.493.000	<b>119.843.110</b>
97	69	Hộ ông Nguyễn Văn Thân đã chết, Nguyễn Thị Thiệp	1.829.520	143.748.000	0	5.976.000	2.376.000	<b>196.697.520</b>
98	70	Hộ bà Đỗ Thị Thả (đã chết) con là ông Phan Văn Thiết	0	206.668.000	0	10.458.000	3.416.000	<b>282.030.000</b>

STT theo thửa đất	Số hồ sơ	HỌ VÀ TÊN CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT	PHẦN BỒI THƯỜNG (đồng)		PHẦN HỖ TRỢ (đồng)			TỔNG CỘNG (đồng)
			Bồi thường bằng 100% đơn giá đối với cây, hoa màu	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP, hộ gia đình trực tiếp SX nông nghiệp	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>	Hỗ trợ ổn định đời sống: Tỷ lệ thu hồi dưới 30% hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu. Tỷ lệ thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ bằng: 06 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 2.988.000 đồng/khẩu. Tỷ lệ thu hồi trên 70% hỗ trợ bằng: 12 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 5.976.000 đồng/khẩu	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	
99	71	Hộ ông Đỗ Văn Thịnh	2.315.300	207.515.000	7.986.000	7.470.000	3.562.000	<b>292.964.300</b>
100	72	Hộ ông Phan Văn Xuyên đã chết, vợ Hà Thị Thọ	1.509.970	118.580.000	60.500	5.976.000	1.961.000	<b>163.385.470</b>
101	73	Hộ bà Quách Thị Thử	0	291.731.000	60.500	7.470.000	4.823.000	<b>390.898.500</b>
102		Hộ bà Quách Thị Thử	0	50.154.500	0	0	829.000	<b>65.905.500</b>
103	74	Hộ bà Phan Thị Thuận	0	223.729.000	0	0	3.698.000	<b>293.991.000</b>
104	75	Hộ bà Phan Thị Thủy	0	193.600.000	1.149.500	11.952.000	3.219.000	<b>267.862.500</b>
105		Hộ bà Phan Thị Thủy	0	121.000.000	786.500	0	2.013.000	<b>160.033.500</b>
106	76	Hộ ông Hà Văn Tiến	0	129.712.000	0	5.976.000	2.144.000	<b>176.424.000</b>
107	77	Hộ bà Hà Thị Ngân (đã chết) con là ông Phan Văn Tiến	0	124.025.000	4.779.500	5.976.000	2.129.000	<b>175.231.500</b>
108	78	Hộ bà Kiều Thị Tính	2.237.950	207.515.000	786.500	0	3.443.000	<b>275.956.450</b>
109	70	Hộ ông Nguyễn Văn Mão (Đen) đã chết) vợ là bà Khuất Thị Tính	0	0	0	0	0	<b>0</b>

STT theo thửa đất	Số hồ sơ	HỌ VÀ TÊN CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT	PHẦN BỒI THƯỜNG (đồng)		PHẦN HỖ TRỢ (đồng)			TỔNG CỘNG (đồng)
			Bồi thường bằng 100% đơn giá đối với cây, hoa màu	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP, hộ gia đình trực tiếp SX nông nghiệp	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>	Hỗ trợ ổn định đời sống: Tỷ lệ thu hồi dưới 30% hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu. Tỷ lệ thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ bằng: 06 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 2.988.000 đồng/khẩu. Tỷ lệ thu hồi trên 70% hỗ trợ bằng: 12 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 5.976.000 đồng/khẩu	Thường bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường Thường bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng;	
110		Hộ ông Nguyễn Văn Mão (Đen) đã chết) vợ là bà Khuất Thị Tinh	0	25.410.000	20.207.000	0	754.000	<b>59.943.000</b>
111	80	Hộ ông Hà Văn Toán	0	124.932.500	0	0	2.065.000	<b>164.167.500</b>
112	81	Hộ ông Phan Văn Trục	0	155.364.000	0	2.988.000	2.568.000	<b>207.144.000</b>
113		Hộ ông Phan Văn Trục	0	107.690.000	4.356.000	0	1.852.000	<b>147.234.000</b>
114		Hộ ông Phan Văn Trục	0	135.701.500	0	0	2.243.000	<b>178.318.500</b>
115	82	Hộ ông Phan Văn Trường	0	87.483.000	0	0	1.446.000	<b>114.957.000</b>
116	83	Hộ ông Nguyễn Văn Tuấn	0	97.405.000	847.000	4.482.000	1.624.000	<b>133.590.000</b>
117		Hộ ông Nguyễn Văn Tuấn	0	49.005.000	302.500	0	815.000	<b>64.792.500</b>
118	84	Hộ ông Nguyễn Văn Tý	3.449.600	271.040.000	0	7.470.000	4.480.000	<b>367.079.600</b>
119	85	Hộ bà Nguyễn Thị Văn	0	69.575.000	0	11.952.000	1.150.000	<b>103.377.000</b>
120		Hộ ông Phan Văn Ve	88.550	6.957.500	0	10.458.000	115.000	<b>19.689.050</b>

STT theo thửa đất	Số hồ sơ	HỌ VÀ TÊN CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT	PHẦN BỒI THƯỜNG (đồng)	PHẦN HỖ TRỢ (đồng)			TỔNG CỘNG (đồng)		
				Bồi thường bằng 100% đơn giá đối với cây, hoa màu	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>			Hỗ trợ ổn định đời sống: Tỷ lệ thu hồi dưới 30% hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu. Tỷ lệ thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ bằng: 06 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 2.988.000 đồng/khẩu. Tỷ lệ thu hồi trên 70% hỗ trợ bằng: 12 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 5.976.000 đồng/khẩu	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng;
					Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP, hộ gia đình trực tiếp SX nông nghiệp	Đất nông nghiệp trồng lúa, tăng lên so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đủ điều kiện cấp GCN QSD đất)			
121	86	Hộ ông Phan Văn Ve	708.400	55.660.000	0	0	920.000	<b>73.848.400</b>	
122		Hộ ông Phan Văn Ve	850.850	66.852.500	0	0	1.105.000	<b>88.698.350</b>	
123	87	Hộ ông Giang Văn Tường (đã chết) đại diện con trai là ông	0	62.980.500	0	8.964.000	1.041.000	<b>91.723.500</b>	
124		Hộ ông Giang Văn Tường (đã chết) đại diện con trai là ông	0	0	0	0	0	<b>0</b>	
125		Hộ ông Giang Văn Tường (đã chết) đại diện con trai là ông	0	286.165.000	121.000	0	4.732.000	<b>376.194.000</b>	
126	88	Hộ ông Phan Thê Việt	0	158.510.000	60.500	7.470.000	2.621.000	<b>215.839.500</b>	
127	89	Hộ ông Đỗ Văn Vĩnh	2.175.250	170.912.500	0	1.494.000	2.825.000	<b>228.256.750</b>	
128	90	Hộ ông Giang Văn Vượng	1.600.300	148.951.000	0	11.952.000	2.462.000	<b>209.281.300</b>	
129		Hộ ông Giang Văn Vượng	1.602.250	149.132.500	0	0	2.465.000	<b>197.569.750</b>	
130	91	Hộ ông Đỗ Văn Vượng	0	185.130.000	302.500	0	3.065.000	<b>243.667.500</b>	
131	92	Hộ ông Hà Hữu Vy	0	107.690.000	6.897.000	7.470.000	1.894.000	<b>158.043.000</b>	

STT theo thửa đất	Số hồ sơ	HỌ VÀ TÊN CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT VÀ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT	PHẦN BỒI THƯỜNG (đồng)	PHẦN HỖ TRỢ (đồng)				TỔNG CỘNG (đồng)	
				Bồi thường bằng 100% đơn giá đối với cây, hoa màu	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>		Hỗ trợ ổn định đời sống: Tỷ lệ thu hồi dưới 30% hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu. Tỷ lệ thu hồi từ 30% đến 70% hỗ trợ bằng: 06 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 2.988.000 đồng/khẩu. Tỷ lệ thu hồi trên 70% hỗ trợ bằng: 12 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 5.976.000 đồng/khẩu		Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng;
					Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP, hộ gia đình trực tiếp SX nông nghiệp	Đất nông nghiệp trồng lúa, tăng lên so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đủ điều kiện cấp GCN QSD đất)			
132	93	Hộ ông Bùi Văn Xuân	0	278.300.000	726.000	7.470.000	4.546.000	<b>374.058.000</b>	
133		Hộ ông Bùi Văn Xuân	0	303.105.000	26.862.000	0	5.454.000	<b>433.593.000</b>	
134	94	Hộ ông Hà Văn Yên	0	99.825.000	544.500	10.458.000	1.659.000	<b>142.348.500</b>	
135		Hộ ông Hà Văn Yên	0	7.804.500	0	0	129.000	<b>10.255.500</b>	
136	95	Hộ ông Phan Văn Xế (đã chết) vợ là bà Hà Thị Yển	0	42.410.500	0	5.976.000	701.000	<b>61.705.500</b>	
137	96	Hộ ông Phan Văn Trục (Na)	0	181.379.000	0	16.434.000	2.998.000	<b>254.775.000</b>	
138		Hộ ông Phan Văn Trục (Na)	0	31.278.500	0	0	517.000	<b>41.101.500</b>	
139	97	Hộ ông Hà Văn Hiệp	0	20.025.500	0	0	331.000	<b>26.314.500</b>	
140		Hộ ông Hà Văn Hiệp	0	226.875.000	0	0	3.750.000	<b>298.125.000</b>	
141		Hộ ông Hà Văn Hiệp	0	0	11.858.000	0	196.000	<b>15.582.000</b>	
142		Hộ ông Hà Văn Hiệp	0	104.665.000	5.324.000	0	1.818.000	<b>144.531.000</b>	
<b>Tổng cộng</b>			<b>47.399.340</b>	<b>16.732.969.000</b>	<b>812.394.000</b>	<b>488.538.000</b>	<b>286.146.000</b>	<b>23.587.554.340</b>	

(Dự thảo)

STT: 1

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Đỗ Văn Bài**

- \* Số CCCD: 001063035909 Ngày cấp: 10/07/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 21,50 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	1	37	532,1	397,2	134,9

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
I	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>71.496.000</b>
1	<b>Đất đai</b>		397,2			<b>71.496.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP.	m <sup>2</sup>	397,2	180.000	100	71.496.000
II	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>250.254.000</b>
1	<b>Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m<sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m<sup>2</sup></b>	m <sup>2</sup>				<b>240.306.000</b>
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	397,2	605.000	100	240.306.000

TT	DANH MỤC BÒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>5.976.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	4	1.494.000	100	5.976.000
<b>3</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>3.972.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	397,2	10.000	100	3.972.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>321.750.000</b>

*Số tiền bằng chữ: Ba trăm hai mươi một triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản với Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 2

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Nguyễn Văn Bẩy**

- \* Số CCCD: 001059009583 Ngày cấp: 04/05/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 6,90 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	3	32	214	214	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>40.167.800</b>
1	Đất đai		214,0			38.520.000
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	214,0	180.000	100	38.520.000
2	Cây, hoa màu trồng trên đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Bồi thường bằng 100% đơn giá					1.647.800
-	Lúa tẻ	m <sup>2</sup>	214,0	7.700	100	1.647.800
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>131.610.000</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>22</sup>	m <sup>2</sup>				129.470.000

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	214,0	605.000	100	129.470.000
<b>3</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>2.140.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	214,0	10.000	100	2.140.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>171.777.800</b>

*Số tiền bằng chữ: Một trăm bảy mươi một triệu, bảy trăm bảy mươi bảy ngàn, tám trăm đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 3

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Đỗ Văn Bình**

- \* Số CCCD: 001065030220 Ngày cấp: 17/02/2025
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 15,90 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	1	31	203,5	203,5	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>36.630.000</b>
1	Đất đai		203,5			36.630.000
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	203,0	180.000	100	36.540.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	0,5	180.000	100	90.000
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>125.152.500</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>22</sup>	m <sup>2</sup>				123.117.500

<b>TT</b>	<b>DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB</b>	<b>ĐVT</b>	<b>KHỐI LƯỢNG</b>	<b>ĐƠN GIÁ (đồng)</b>	<b>TỶ LỆ BT, HT (%)</b>	<b>THÀNH TIỀN (đồng)</b>
-	Đổi với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	203,0	605.000	100	122.815.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	0,5	605.000	100	302.500
<b>3</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>2.035.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	203,5	10.000	100	2.035.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>161.782.500</b>

*Số tiền bằng chữ: Một trăm sáu mươi một triệu, bảy trăm tám mươi hai ngàn, năm trăm đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 4

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ bà Cao Thị Cậy**

- \* Số CCCD: 001158015172 Ngày cấp: 04/05/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 3,20 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	2	61	88,4	75,3	13,1
2	2	98	366,6	16,1	350,5

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>17.155.780</b>
<b>1</b>	<b>Đất đai</b>		<b>91,4</b>			<b>16.452.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	91,4	180.000	100	16.452.000
<b>2</b>	<b>Cây, hoa màu trồng trên đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Bồi thường bằng 100% đơn giá</b>					<b>703.780</b>
-	Lúa tẻ	m <sup>2</sup>	91,4	7.700	100	703.780
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>66.669.000</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>	m <sup>2</sup>				55.297.000
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	91,4	605.000	100	55.297.000
2	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>10.458.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	7	1.494.000	100	10.458.000
3	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>914.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	91,4	10.000	100	914.000
III	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>83.824.780</b>

*Số tiền bằng chữ: Tám mươi ba triệu, tám trăm hai mươi bốn ngàn, bảy trăm tám mươi đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 5

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ bà Phan Thị Chè**

- \* Số CCCD: 001153024334 Ngày cấp: 24/05/2022
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 16,80 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	2	14	343,5	343,5	0
2	2	17	231,6	231,6	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>103.518.000</b>
<b>1</b>	<b>Đất đai</b>		<b>575,1</b>			<b>103.518.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	494,0	180.000	100	88.920.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	81,1	180.000	100	14.598.000
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>359.662.500</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>22</sup>	m <sup>2</sup>				347.935.500
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	494,0	605.000	100	298.870.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	81,1	605.000	100	49.065.500
2	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>5.976.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	4	1.494.000	100	5.976.000
3	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>5.751.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	575,1	10.000	100	5.751.000
III	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>463.180.500</b>

*Số tiền bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi ba triệu, một trăm tám mươi ngàn, năm trăm đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 6

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Phan Văn Chiên**

- \* Số CCCD: 001068012668 Ngày cấp: 10/07/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 19,80 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	1	40	260,1	260,1	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>46.818.000</b>
1	Đất đai		260,1			46.818.000
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	260,0	180.000	100	46.800.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	0,1	180.000	100	18.000
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>171.913.500</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>22</sup>	m <sup>2</sup>				157.360.500

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
-	Đổi với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	260,0	605.000	100	157.300.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	0,1	605.000	100	60.500
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>11.952.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	8	1.494.000	100	11.952.000
<b>3</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>2.601.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	260,1	10.000	100	2.601.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>218.731.500</b>

*Số tiền bằng chữ: Hai trăm mười tám triệu, bảy trăm ba mươi một ngàn, năm trăm đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản với Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 7

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ bà Nguyễn Thị Choè**

- \* Số CCCD: 0 Ngày cấp: 0
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 5,30 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	1	57	203,9	203,9	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
I	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>36.702.000</b>
1	<b>Đất đai</b>		<b>203,9</b>			<b>36.702.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP.	m <sup>2</sup>	196,0	180.000	100	35.280.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	7,9	180.000	100	1.422.000
II	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>128.386.500</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>	m <sup>2</sup>				<b>123.359.500</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
-	Đổi với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	196,0	605.000	100	118.580.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	7,9	605.000	100	4.779.500
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>2.988.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	2	#####	100	2.988.000
<b>3</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>2.039.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	203,9	10.000	100	2.039.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>165.088.500</b>

*Số tiền bằng chữ: Một trăm sáu mươi lăm triệu, không trăm tám mươi tám ngàn, năm trăm đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 8

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ bà Nguyễn Thị Quấn (đã chết) con là ông Phan Văn Cường**

- \* Số CCCD: 001064031156 Ngày cấp: 03/09/2024
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 0,90 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	1	20	39,1	39,1	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>7.038.000</b>
1	Đất đai		39,1			7.038.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	39,1	180.000	100	7.038.000
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>24.046.500</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>	m <sup>2</sup>				23.655.500
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	39,1	605.000	100	23.655.500

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
2	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>391.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	39,1	10.000	100	391.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>31.084.500</b>

**Số tiền bằng chữ: Ba mươi một triệu, không trăm tám mươi bốn ngàn, năm trăm đồng**

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản với Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 9

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Phan Thế Cường**

- \* Số CCCD: 001054013353 Ngày cấp: 10/04/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 15,60 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	1	49	481,2	481,2	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>86.616.000</b>
1	<b>Đất đai</b>		<b>481,2</b>			<b>86.616.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	481,2	180.000	100	86.616.000
II	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>310.878.000</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>	m <sup>2</sup>				<b>291.126.000</b>
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	481,2	605.000	100	291.126.000

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>14.940.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	10	1.494.000	100	14.940.000
<b>3</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>4.812.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	481,2	10.000	100	4.812.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>397.494.000</b>

**Số tiền bằng chữ: Ba trăm chín mươi bảy triệu, bốn trăm chín mươi bốn ngàn đồng**

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản với Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 10

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ bà Nguyễn Thị Dần**

- \* Số CCCD: 001134000191 Ngày cấp: 04/05/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 100,00 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	1	56	336,9	336,9	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>60.642.000</b>
1	<b>Đất đai</b>		<b>336,9</b>			<b>60.642.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	336,0	180.000	100	60.480.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	0,9	180.000	100	162.000
II	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>213.169.500</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>22</sup>	m <sup>2</sup>				<b>203.824.500</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
-	Đổi với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	336,0	605.000	100	203.280.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	0,9	605.000	100	544.500
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>5.976.000</b>
	Hỗ trợ gạo 12 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ lớn hơn 70% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 06 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 2.988.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	1	5.976.000	100	5.976.000
<b>3</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>3.369.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	336,9	10.000	100	3.369.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>273.811.500</b>

*Số tiền bằng chữ: Hai trăm bảy mươi ba triệu, tám trăm mười một ngàn, năm trăm đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản với Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 11

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ bà Hà Thị Điền**

- \* Số CCCD: 001160020783 Ngày cấp: 04/05/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 11,00 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	1	43	342,6	14,9	327,7
2	2	12	311,5	311,5	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>60.547.200</b>
<b>1</b>	<b>Đất đai</b>		<b>326,4</b>			<b>58.752.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	325,9	180.000	100	58.662.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	0,5	180.000	100	90.000
<b>2</b>	<b>Cây, hoa màu trồng trên đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Bồi thường bằng 100% đơn giá</b>					<b>1.795.200</b>
-	Ngô	m <sup>2</sup>	326,4	5.500	100	1.795.200
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>206.712.000</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>22</sup>	m <sup>2</sup>				197.472.000
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	325,9	605.000	100	197.169.500
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	0,5	605.000	100	302.500
2	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>5.976.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	4	1.494.000	100	5.976.000
3	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>3.264.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	326,4	10.000	100	3.264.000
III	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>267.259.200</b>

**Số tiền bằng chữ: Hai trăm sáu mươi bảy triệu, hai trăm năm mươi chín ngàn, hai trăm đồng**

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 12

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ bà Giang Thị Doan**

- \* Số CCCD: 001150019707 Ngày cấp: 18/12/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 3,50 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	2	74	210,2	149,8	60,4

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>28.117.460</b>
1	Đất đai		149,8			26.964.000
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	149,8	180.000	100	26.964.000
2	Cây, hoa màu trồng trên đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Bồi thường bằng 100% đơn giá					1.153.460
-	Lúa tẻ	m <sup>2</sup>	149,8	7.700	100	1.153.460
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>98.103.000</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>	m <sup>2</sup>				90.629.000
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	149,8	605.000	100	90.629.000
2	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>5.976.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	4	1.494.000	100	5.976.000
3	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>1.498.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	149,8	10.000	100	1.498.000
III	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>126.220.460</b>

*Số tiền bằng chữ: Một trăm hai mươi sáu triệu, hai trăm hai mươi ngàn, bốn trăm sáu mươi đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 13

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL33), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ bà Đỗ Thị Đông**

- \* Số CCCD: 001155006823 Ngày cấp: 04/05/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 5,90 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	2	25	174,7	174,7	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>32.406.850</b>
1	Đất đai		174,7			31.446.000
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	60,0	180.000	100	10.800.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	114,7	180.000	100	20.646.000
2	Cây, hoa màu trồng trên đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Bồi thường bằng 100% đơn giá					960.850
-	Ngô	m <sup>2</sup>	174,7	5.500	100	960.850
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>116.404.500</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>22</sup>	m <sup>2</sup>				105.693.500
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	60,0	605.000	100	36.300.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	114,7	605.000	100	69.393.500
2	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>8.964.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	6	1.494.000	100	8.964.000
3	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>1.747.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	174,7	10.000	100	1.747.000
III	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>148.811.350</b>

*Số tiền bằng chữ: Một trăm bốn mươi tám triệu, tám trăm mười một ngàn, ba trăm năm mươi đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản với Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 14

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL34), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Nguyễn Tiến Đức**

- \* Số CCCD: 0 Ngày cấp: 0
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 23,30 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	2	11	222,1	222,1	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>41.199.550</b>
<b>1</b>	<b>Đất đai</b>		<b>222,1</b>			<b>39.978.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP.	m <sup>2</sup>	222,0	180.000	100	39.960.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	0,1	180.000	100	18.000
<b>2</b>	<b>Cây, hoa màu trồng trên đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Bồi thường bằng 100% đơn giá</b>					<b>1.221.550</b>
-	Ngô	m <sup>2</sup>	222,1	5.500	100	1.221.550
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>142.567.500</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>22</sup>	m <sup>2</sup>				134.370.500
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	222,0	605.000	100	134.310.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	0,1	605.000	100	60.500
2	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>5.976.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	4	1.494.000	100	5.976.000
3	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>2.221.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	222,1	10.000	100	2.221.000
III	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>183.767.050</b>

*Số tiền bằng chữ: Một trăm tám mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi bảy ngàn, không trăm năm mươi đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 15

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL35), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Phan Văn Dũng ( Tuất)**

- \* Số CCCD: 001070041139 Ngày cấp: 15/02/2022
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 6,40 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	2	73	288,8	184,2	104,6

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>33.156.000</b>
1	Đất đai		184,2			33.156.000
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	183,0	180.000	100	32.940.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	1,2	180.000	100	216.000
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>116.271.000</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>22</sup>	m <sup>2</sup>				111.441.000

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	183,0	605.000	100	110.715.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	1,2	605.000	100	726.000
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>2.988.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	2	1.494.000	100	2.988.000
<b>3</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>1.842.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	184,2	10.000	100	1.842.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>149.427.000</b>

*Số tiền bằng chữ: Một trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm hai mươi bảy ngàn đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 16

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL36), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Phan Văn Dũng ( Nhung)**

- \* Số CCCD: 001054015303 Ngày cấp: 15/04/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 5,10 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

<i>TT</i>	<i>Số tờ</i>	<i>Số thửa</i>	<i>Tổng Diện tích (m<sup>2</sup>)</i>	<i>Diện tích thu hồi (m<sup>2</sup>)</i>	<i>Diện tích Còn lại (m<sup>2</sup>)</i>
1	2	100	214,3	214,3	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

<b>TT</b>	<b>DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB</b>	<b>ĐVT</b>	<b>KHỐI LƯỢNG</b>	<b>ĐƠN GIÁ (đồng)</b>	<b>TỶ LỆ BT, HT (%)</b>	<b>THÀNH TIỀN (đồng)</b>
<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7=(4*5*6)</i>
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>0</b>
-	Đất nông nghiệp công ích do UBND phường quản lý Không bồi thường, hỗ trợ	m <sup>2</sup>	214,3	0	100	0
<b>II</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I)</b>					<b>0</b>

*Số tiền bằng chữ: Không đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 17

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL37), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Hà Thị Lợi (Phan Văn Hải)**

- \* Số CCCD: 001158022139 Ngày cấp: 04/04/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 9,70 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	2	13	155,1	155,1	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>27.918.000</b>
1	Đất đai		155,1			27.918.000
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	148,0	180.000	100	26.640.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	7,1	180.000	100	1.278.000
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>102.856.500</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>22</sup>	m <sup>2</sup>				93.835.500

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
-	Đổi với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	148,0	605.000	100	89.540.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	7,1	605.000	100	4.295.500
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>7.470.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	5	1.494.000	100	7.470.000
<b>3</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>1.551.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	155,1	10.000	100	1.551.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>130.774.500</b>

*Số tiền bằng chữ: Một trăm ba mươi triệu, bảy trăm bảy mươi bốn ngàn, năm trăm đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 18

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL38), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Phan Văn Tiếp đã chết vợ Hà Thị Hạnh**

- \* Số CCCD: 001168014407 Ngày cấp:
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 9,70 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	3	22	194,9	194,9	0
2	2	76	230,5	230,5	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
I	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>76.572.000</b>
1	<b>Đất đai</b>		<b>425,4</b>			<b>76.572.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	382,0	180.000	100	68.760.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	43,4	180.000	100	7.812.000
II	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>266.103.000</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>22</sup>	m <sup>2</sup>				257.367.000
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	382,0	605.000	100	231.110.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	43,4	605.000	100	26.257.000
2	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>4.482.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	3	1.494.000	100	4.482.000
3	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>4.254.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	425,4	10.000	100	4.254.000
III	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>342.675.000</b>

*Số tiền bằng chữ: Ba trăm bốn mươi hai triệu, sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản với Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 19

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL41), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ bà Phan Thị Hoà**

- \* Số CCCD: 001158022907 Ngày cấp: 25/04/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 16,10 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	1	22	492,3	478,9	13,4

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>86.202.000</b>
1	Đất đai		478,9			86.202.000
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	478,9	180.000	100	86.202.000
II	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>303.487.500</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>	m <sup>2</sup>				289.734.500

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
-	Đổi với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	478,9	605.000	100	289.734.500
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>8.964.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	6	1.494.000	100	8.964.000
<b>3</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>4.789.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	478,9	10.000	100	4.789.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>389.689.500</b>

*Số tiền bằng chữ: Ba trăm tám mươi chín triệu, sáu trăm tám mươi chín ngàn, năm trăm đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 20

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL42), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Phan Văn Hòa**

- \* Số CCCD: 001058020698 Ngày cấp: 10/04/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 3,70 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	2	66	261,8	57,2	204,6
2	3	39	604,1	33	571,1

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
I	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>16.236.000</b>
1	Đất đai		90,2			16.236.000
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	90,2	180.000	100	16.236.000
II	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>55.473.000</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>22</sup>	m <sup>2</sup>				54.571.000

<b>TT</b>	<b>DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB</b>	<b>ĐVT</b>	<b>KHỐI LƯỢNG</b>	<b>ĐƠN GIÁ (đồng)</b>	<b>TỶ LỆ BT, HT (%)</b>	<b>THÀNH TIỀN (đồng)</b>
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	90,2	605.000	100	54.571.000
<b>2</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>902.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	90,2	10.000	100	902.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>71.709.000</b>

*Số tiền bằng chữ: Bảy mươi một triệu, bảy trăm lẻ chín ngàn đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 21

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL45), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Nguyễn Văn Bái (đã chết) con dâu Cao Thị Hồng**

- \* Số CCCD: 001055003345 Ngày cấp: 02/05/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 21,50 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	2	18	109,1	109,1	0
2	2	31	180,5	157,6	22,9
3	2	45	435,3	435,3	0
4	2	95	206,4	206,4	0
5	3	31	515,8	164,7	351,1

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	PHẦN BỒI THƯỜNG					197.645.010
1	Đất đai		1.073,1			193.158.000
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	942,3	180.000	100	169.614.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	130,8	180.000	100	23.544.000

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
<b>2</b>	<b>Cây, hoa màu trồng trên đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Bồi thường bằng 100% đơn giá</b>					<b>4.487.010</b>
-	Lúa tẻ	m <sup>2</sup>	435,3	7.700	100	3.351.810
-	Ngô	m <sup>2</sup>	206,4	5.500	100	1.135.200
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>659.225.500</b>
<b>1</b>	<b>Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m<sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m<sup>2</sup></b>	m <sup>2</sup>				<b>649.225.500</b>
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	942,3	605.000	100	570.091.500
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	130,8	605.000	100	79.134.000
<b>2</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>10.000.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	1.073,1	10.000	100	10.000.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>856.870.510</b>

*Số tiền bằng chữ: Tám trăm năm mươi sáu triệu, tám trăm bảy mươi ngàn, năm trăm mười đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 22

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL51), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Nguyễn Văn Huân**

- \* Số CCCD: 001066019527 Ngày cấp: 04/04/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 5,60 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	2	57	173,5	72,8	100,7

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
I	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>13.504.400</b>
<b>1</b>	<b>Đất đai</b>		<b>72,8</b>			<b>13.104.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	72,8	180.000	100	13.104.000
<b>2</b>	<b>Cây, hoa màu trồng trên đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Bồi thường bằng 100% đơn giá</b>					<b>400.400</b>
-	Ngô	m <sup>2</sup>	72,8	5.500	100	400.400
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>49.254.000</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>22</sup>	m <sup>2</sup>				44.044.000
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	72,8	605.000	100	44.044.000
2	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>4.482.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khâu	Nhân khẩu	3	1.494.000	100	4.482.000
3	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>728.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	72,8	10.000	100	728.000
III	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>62.758.400</b>

*Số tiền bằng chữ: Sáu mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi tám ngàn, bốn trăm đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 23

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL52), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Phan Việt Hùng**

- \* Số CCCD: 001058020744 Ngày cấp: 10/04/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 42,50 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	2	44	354,3	354,3	0
2	2	60	374,1	208,8	165,3
3	2	63	788,9	743,2	45,7

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>235.134.000</b>
1	Đất đai		1.306,3			235.134.000
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	1303,0	180.000	100	234.540.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	3,3	180.000	100	594.000
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>812.263.500</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>22</sup>	m <sup>2</sup>				790.311.500
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	1.303,0	605.000	100	788.315.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	3,3	605.000	100	1.996.500
2	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>11.952.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 06 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ từ 30% đến 70% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 06 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 2.988.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	4	2.988.000	100	11.952.000
3	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>10.000.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	1.306,3	10.000	100	10.000.000
III	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>1.047.397.500</b>

*Số tiền bằng chữ: Một tỷ, không trăm bốn mươi bảy triệu, ba trăm chín mươi bảy ngàn, năm trăm đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 24

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL56), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Bùi Ngọc Hưng**

- \* Số CCCD: 0 Ngày cấp: 0
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 4,30 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	3	2	302,4	88,5	239,9

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
I	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>15.930.000</b>
<b>1</b>	<b>Đất đai</b>		<b>88,5</b>			<b>15.930.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP.	m <sup>2</sup>	88,5	180.000	100	15.930.000
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>58.909.500</b>
<b>1</b>	<b>Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m<sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m<sup>2</sup></b>	m <sup>2</sup>				<b>53.542.500</b>
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	88,5	605.000	100	53.542.500

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>4.482.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	3	1.494.000	100	4.482.000
<b>3</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>885.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	88,5	10.000	100	885.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>74.839.500</b>

**Số tiền bằng chữ: Bảy mươi bốn triệu, tám trăm ba mươi chín ngàn, năm trăm đồng**

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 25

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL57), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ bà Quách Thị Khải (con là bà Đỗ Thị Lâm Hương)**

- \* Số CCCD: 001145003018 Ngày cấp: 09/07/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 15,70 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	2	3	198,5	74,6	123,9
2	2	6	92,3	91,1	1,2

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>29.826.000</b>
<b>1</b>	<b>Đất đai</b>		<b>165,7</b>			<b>29.826.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	154,6	180.000	100	27.828.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	11,1	180.000	100	1.998.000
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>110.869.500</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>22</sup>	m <sup>2</sup>				100.248.500
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	154,6	605.000	100	93.533.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	11,1	605.000	100	6.715.500
2	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>8.964.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	6	1.494.000	100	8.964.000
3	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>1.657.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	165,7	10.000	100	1.657.000
III	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>140.695.500</b>

*Số tiền bằng chữ: Một trăm bốn mươi triệu, sáu trăm chín mươi lăm ngàn, năm trăm đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 26

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL60), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ bà Hà Thị Hương**

- \* Số CCCD: 001167017450 Ngày cấp: 10/04/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 51,20 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	2	88	269,8	269,8	0
2	2	96	326,1	326,1	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>107.262.000</b>
<b>1</b>	<b>Đất đai</b>		<b>595,9</b>			<b>107.262.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	584,0	180.000	100	105.120.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	11,9	180.000	100	2.142.000
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>375.442.500</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>22</sup>	m <sup>2</sup>				360.519.500
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	584,0	605.000	100	353.320.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	11,9	605.000	100	7.199.500
2	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>8.964.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 06 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ từ 30% đến 70% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 06 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 2.988.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	3	2.988.000	100	8.964.000
3	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>5.959.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	595,9	10.000	100	5.959.000
III	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>482.704.500</b>

*Số tiền bằng chữ: Bốn trăm tám mươi hai triệu, bảy trăm lẻ bốn ngàn, năm trăm đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản với Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 27

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL63), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ bà Nguyễn Thị Hương**

- \* Số CCCD: 001166015260 Ngày cấp: 01/10/2019
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 20,70 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	3	9	577,9	554,7	23,2

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>103.451.550</b>
<b>1</b>	<b>Đất đai</b>		<b>554,7</b>			<b>99.846.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	554,7	180.000	100	99.846.000
<b>2</b>	<b>Cây, hoa màu trồng trên đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Bồi thường bằng 100% đơn giá</b>					<b>3.605.550</b>
-	Khoai	m <sup>2</sup>	554,7	6.500	100	3.605.550
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>350.104.500</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>22</sup>	m <sup>2</sup>				335.593.500
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	554,7	605.000	100	335.593.500
2	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>8.964.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khâu	Nhân khẩu	6	1.494.000	100	8.964.000
3	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>5.547.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	554,7	10.000	100	5.547.000
III	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>453.556.050</b>

**Số tiền bằng chữ: Bốn trăm năm mươi ba triệu, năm trăm năm mươi sáu ngàn, không trăm năm mươi đồng**

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 28

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL64), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Hà Văn Hưởng**

- \* Số CCCD: 001062010252 Ngày cấp: 10/07/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 6,20 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	1	48	308,5	90,3	218,2

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
I	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>16.254.000</b>
1	<b>Đất đai</b>		<b>90,3</b>			<b>16.254.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	90,3	180.000	100	16.254.000
II	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>55.534.500</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>	m <sup>2</sup>				<b>54.631.500</b>
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	90,3	605.000	100	54.631.500

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
2	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>903.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	90,3	10.000	100	903.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>71.788.500</b>

*Số tiền bằng chữ: Bảy mươi một triệu, bảy trăm tám mươi tám ngàn, năm trăm đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 29

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL65), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ bà Phan Thị Khay**

- \* Số CCCD: 0 Ngày cấp: 0
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 0,00 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	2	5	640,4	89,3	551,1

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
I	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>16.074.000</b>
<b>1</b>	<b>Đất đai</b>		<b>89,3</b>			<b>16.074.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP.	m <sup>2</sup>	89,3	180.000	100	16.074.000
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>62.389.500</b>
<b>1</b>	<b>Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m<sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m<sup>2</sup></b>	m <sup>2</sup>				<b>54.026.500</b>
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	89,3	605.000	100	54.026.500

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
2	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>7.470.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	5	1.494.000	100	7.470.000
3	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>893.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	89,3	10.000	100	893.000
III	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>78.463.500</b>

*Số tiền bằng chữ: Bảy mươi tám triệu, bốn trăm sáu mươi ba ngàn, năm trăm đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản với Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 30

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL66), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Nguyễn Văn Kiêm**

- \* Số CCCD: 001065012130 Ngày cấp: 10/07/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 21,50 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	3	42	181,4	181,4	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>34.048.780</b>
1	Đất đai		181,4			32.652.000
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	181,4	180.000	100	32.652.000
2	Cây, hoa màu trồng trên đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Bồi thường bằng 100% đơn giá					1.396.780
-	Lúa tẻ	m <sup>2</sup>	181,4	7.700	100	1.396.780
II	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>114.549.000</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>22</sup>	m <sup>2</sup>				109.747.000
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	181,4	605.000	100	109.747.000
2	Hỗ trợ ổn định đời sống:					2.988.000
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	2	1.494.000	100	2.988.000
3	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:					1.814.000
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	181,4	10.000	100	1.814.000
III	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>148.597.780</b>

*Số tiền bằng chữ: Một trăm bốn mươi tám triệu, năm trăm chín mươi bảy ngàn, bảy trăm tám mươi đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản với Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 31

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL67), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Hà Văn Sung (đã chết) con dâu bà Nguyễn Thị Kiệt**

- \* Số CCCD: 0 Ngày cấp: 0
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 7,20 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	3	25	593	291,5	301,5

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
I	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>52.470.000</b>
1	<b>Đất đai</b>		<b>291,5</b>			<b>52.470.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP.	m <sup>2</sup>	291,5	180.000	100	52.470.000
II	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>180.766.500</b>
1	<b>Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m<sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m<sup>2</sup></b>	m <sup>2</sup>				<b>176.357.500</b>
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	291,5	605.000	100	176.357.500

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>1.494.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	1	1.494.000	100	1.494.000
<b>3</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>2.915.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	291,5	10.000	100	2.915.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>233.236.500</b>

*Số tiền bằng chữ: Hai trăm ba mươi ba triệu, hai trăm ba mươi sáu ngàn, năm trăm đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 32

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL68), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Phan Văn Kim**

- \* Số CCCD: 001063017111 Ngày cấp: 10/07/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 9,60 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	1	41	106,4	106,4	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>19.152.000</b>
1	Đất đai		106,4			19.152.000
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	74,0	180.000	100	13.320.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	32,4	180.000	100	5.832.000
II	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>66.930.000</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>22</sup>	m <sup>2</sup>				64.372.000

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
-	Đổi với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	74,0	605.000	100	44.770.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	32,4	605.000	100	19.602.000
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>1.494.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	1	1.494.000	100	1.494.000
<b>3</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>1.064.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	106,4	10.000	100	1.064.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>86.082.000</b>

**Số tiền bằng chữ: Tám mươi sáu triệu, không trăm tám mươi hai ngàn đồng**

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 33

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL69), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Hà Ngọc Lan**

- \* Số CCCD: 001054013388 Ngày cấp: 10/04/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 17,80 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	3	40	672,4	655,1	17,3

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
I	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>122.962.270</b>
1	<b>Đất đai</b>		<b>655,1</b>			<b>117.918.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	655,1	180.000	100	117.918.000
2	<b>Cây, hoa màu trồng trên đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Bồi thường bằng 100% đơn giá</b>					<b>5.044.270</b>
-	Lúa tẻ	m <sup>2</sup>	655,1	7.700	100	5.044.270
II	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>408.862.500</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>22</sup>	m <sup>2</sup>				396.335.500
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	655,1	605.000	100	396.335.500
2	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>5.976.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	4	1.494.000	100	5.976.000
3	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>6.551.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	655,1	10.000	100	6.551.000
III	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>531.824.770</b>

*Số tiền bằng chữ: Năm trăm ba mươi một triệu, tám trăm hai mươi bốn ngàn, bảy trăm bảy mươi đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 34

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL70), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ bà Nguyễn Thị Lăng**

- \* Số CCCD: 001157002314 Ngày cấp: 24/06/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 6,90 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	3	19	212,1	212,1	0
2	3	30	304,2	34,6	269,6

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>44.406.000</b>
<b>1</b>	<b>Đất đai</b>		<b>246,7</b>			<b>44.406.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	104,6	180.000	100	18.828.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	142,1	180.000	100	25.578.000
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>159.190.500</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>22</sup>	m <sup>2</sup>				149.253.500
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	104,6	605.000	100	63.283.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	142,1	605.000	100	85.970.500
2	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>7.470.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	5	1.494.000	100	7.470.000
3	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>2.467.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	246,7	10.000	100	2.467.000
III	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>203.596.500</b>

**Số tiền bằng chữ: Hai trăm lẻ ba triệu, năm trăm chín mươi sáu ngàn, năm trăm đồng**

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 35

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL73), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ bà Phan Thị Lịch**

- \* Số CCCD: 001143010860 Ngày cấp: 18/12/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 6,60 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	2	23	236,9	129,7	107,2

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>24.059.350</b>
1	Đất đai		129,7			23.346.000
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	129,7	180.000	100	23.346.000
2	Cây, hoa màu trồng trên đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Bồi thường bằng 100% đơn giá					713.350
-	Ngô	m <sup>2</sup>	129,7	5.500	100	713.350
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>81.259.500</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>22</sup>	m <sup>2</sup>				78.468.500
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	129,7	605.000	100	78.468.500
2	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>1.494.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	1	1.494.000	100	1.494.000
3	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>1.297.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	129,7	10.000	100	1.297.000
III	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>105.318.850</b>

*Số tiền bằng chữ: Một trăm lẻ năm triệu, ba trăm mười tám ngàn, tám trăm năm mươi đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 36

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL74), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Phan Văn Liêm**

- \* Số CCCD: 001060024712 Ngày cấp: 04/04/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 8,80 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	1	35	161,2	161,2	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	PHẦN BỒI THƯỜNG					29.016.000
1	Đất đai		161,2			29.016.000
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	161,2	180.000	100	29.016.000
II	PHẦN HỖ TRỢ					109.596.000
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>22</sup>	m <sup>2</sup>				97.526.000

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	161,2	605.000	100	97.526.000
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>10.458.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	7	1.494.000	100	10.458.000
<b>3</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>1.612.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	161,2	10.000	100	1.612.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>138.612.000</b>

*Số tiền bằng chữ: Một trăm ba mươi tám triệu, sáu trăm mười hai ngàn đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 37

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL75), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Phan Vĩnh Lộc**

- \* Số CCCD: 001064038494 Ngày cấp: 23/09/2024
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 0,60 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	1	3	305,3	16,9	288,4

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	PHẦN BỒI THƯỜNG					3.042.000
1	Đất đai		16,9			3.042.000
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	16,9	180.000	100	3.042.000
II	PHẦN HỖ TRỢ					10.393.500
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>22</sup>	m <sup>2</sup>				10.224.500

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
-	Đổi với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	16,9	605.000	100	10.224.500
<b>3</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đổi với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>169.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đổi với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	16,9	10.000	100	169.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>13.435.500</b>

*Số tiền bằng chữ: Mười ba triệu, bốn trăm ba mươi lăm ngàn, năm trăm đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 38

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL76), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Hà Văn Hải (đã chết) đại diện vợ Nguyễn Thị Lộc**

- \* Số CCCD: 0 Ngày cấp: 0
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 0,00 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	2	47	289,5	30,7	258,8

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
I	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>5.725.550</b>
1	<b>Đất đai</b>		<b>30,7</b>			<b>5.526.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	30,7	180.000	100	5.526.000
2	<b>Cây, hoa màu trồng trên đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Bồi thường bằng 100% đơn giá</b>					<b>199.550</b>
-	Lạc	m <sup>2</sup>	30,7	6.500	100	199.550
II	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>21.868.500</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>	m <sup>2</sup>				<b>18.573.500</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	30,7	605.000	100	18.573.500
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>2.988.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	2	1.494.000	100	2.988.000
<b>3</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>307.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	30,7	10.000	100	307.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>27.594.050</b>

*Số tiền bằng chữ: Hai mươi bảy triệu, năm trăm chín mươi bốn ngàn, không trăm năm mươi đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 39

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL77), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Nguyễn Văn Long**

- \* Số CCCD: 001055008481 Ngày cấp: 04/05/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 17,50 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	2	40	360	342,8	17,2

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
I	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>61.704.000</b>
1	Đất đai		342,8			61.704.000
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	342,8	180.000	100	61.704.000
II	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>215.304.000</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>22</sup>	m <sup>2</sup>				207.394.000

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	342,8	605.000	100	207.394.000
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>4.482.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	3	1.494.000	100	4.482.000
<b>3</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>3.428.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	342,8	10.000	100	3.428.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>277.008.000</b>

**Số tiền bằng chữ: Hai trăm bảy mươi bảy triệu, không trăm lẻ tám ngàn đồng**

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 40

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL78), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Phan Văn Luyện**

- \* Số CCCD: 001064041944 Ngày cấp: 29/10/2024
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 10,30 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	3	20	180,4	180,4	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
I	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>32.472.000</b>
1	<b>Đất đai</b>		<b>180,4</b>			<b>32.472.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP.	m <sup>2</sup>	180,0	180.000	100	32.400.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	0,4	180.000	100	72.000
II	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>115.428.000</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>	m <sup>2</sup>				<b>109.142.000</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
-	Đổi với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	180,0	605.000	100	108.900.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	0,4	605.000	100	242.000
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>4.482.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	3	1.494.000	100	4.482.000
<b>3</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>1.804.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	180,4	10.000	100	1.804.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>147.900.000</b>

*Số tiền bằng chữ: Một trăm bốn mươi bảy triệu, chín trăm ngàn đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản với Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 41

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL79), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ bà Phan Thị Mai**

- \* Số CCCD: 001060024726 Ngày cấp: 10/07/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 17,40 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	3	28	343,6	343,6	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>61.848.000</b>
1	Đất đai		343,6			61.848.000
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	288,0	180.000	100	51.840.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	55,6	180.000	100	10.008.000
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>211.314.000</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>	m <sup>2</sup>				207.878.000

<b>TT</b>	<b>DANH MỤC BÒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB</b>	<b>ĐVT</b>	<b>KHỐI LƯỢNG</b>	<b>ĐƠN GIÁ (đồng)</b>	<b>TỶ LỆ BT, HT (%)</b>	<b>THÀNH TIỀN (đồng)</b>
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	288,0	605.000	100	174.240.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	55,6	605.000	100	33.638.000
<b>3</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>3.436.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	343,6	10.000	100	3.436.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>273.162.000</b>

**Số tiền bằng chữ: Hai trăm bảy mươi ba triệu, một trăm sáu mươi hai ngàn đồng**

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 42

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL80), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Hà Văn Lớn (đã chết) con trai ông Hà Văn Nam**

- \* Số CCCD: 001069041124 Ngày cấp: 18/12/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 4,20 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	2	43	100	100	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>18.000.000</b>
1	Đất đai		100,0			18.000.000
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	100,0	180.000	100	18.000.000
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>61.500.000</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>22</sup>	m <sup>2</sup>				60.500.000
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	100,0	605.000	100	60.500.000

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
3	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:					1.000.000
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	100,0	10.000	100	1.000.000
III	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>79.500.000</b>

*Số tiền bằng chữ: Bảy mươi chín triệu, năm trăm ngàn đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 43

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL81), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ bà Phan Thị Năm**

- \* Số CCCD: 001158022086 Ngày cấp: 10/04/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 31,30 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	2	37	331,4	331,4	0
2	2	38	289,8	289,8	0
3	2	69	457,3	457,3	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
I	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>153.036.000</b>
<b>1</b>	<b>Đất đai</b>		<b>1.078,5</b>			<b>153.036.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	849,0	180.000	100	152.820.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	1,2	180.000	100	216.000
-	Đất nông nghiệp công ích do UBND phường quản lý Không bồi thường, hỗ trợ	m <sup>2</sup>	228,3	0	100	0
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>534.825.000</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>22</sup>	m <sup>2</sup>				514.371.000
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	849,0	605.000	100	513.645.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	1,2	605.000	100	726.000
2	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>11.952.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 06 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ từ 30% đến 70% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 06 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 2.988.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	4	2.988.000	100	11.952.000
3	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>8.502.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	850,2	10.000	100	8.502.000
III	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>687.861.000</b>

*Số tiền bằng chữ: Sáu trăm tám mươi bảy triệu, tám trăm sáu mươi một ngàn đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 44

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Nguyễn Văn Hòa (đã chết) vợ là bà Cao Thị Năm**

- \* Số CCCD: 001154007694 Ngày cấp: 10/07/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 5,00 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	2	59	126	126	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
I	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>22.680.000</b>
1	<b>Đất đai</b>		<b>126,0</b>			<b>22.680.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP.	m <sup>2</sup>	126,0	180.000	100	22.680.000
II	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>80.478.000</b>
1	<b>Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m<sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m<sup>2</sup></b>	m <sup>2</sup>				<b>76.230.000</b>
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	126,0	605.000	100	76.230.000

TT	DANH MỤC BÒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>2.988.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	2	1.494.000	100	2.988.000
<b>3</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>1.260.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	126,0	10.000	100	1.260.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>103.158.000</b>

*Số tiền bằng chữ: Một trăm lẻ ba triệu, một trăm năm mươi tám ngàn đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản với Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 45

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ bà Nguyễn Thị Năm**

- \* Số CCCD: 001154007693 Ngày cấp: 10/07/2020
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 18,10 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	2	68	342,9	342,9	0
2	2	81	339,8	339,8	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>122.886.000</b>
1	Đất đai		682,7			122.886.000
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	585,5	180.000	100	105.390.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	97,2	180.000	100	17.496.000
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>424.342.500</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>22</sup>	m <sup>2</sup>				413.033.500
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	585,5	605.000	100	354.227.500
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	97,2	605.000	100	58.806.000
2	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>4.482.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	3	1.494.000	100	4.482.000
3	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>6.827.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	682,7	10.000	100	6.827.000
III	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>547.228.500</b>

**Số tiền bằng chữ: Năm trăm bốn mươi bảy triệu, hai trăm hai mươi tám ngàn, năm trăm đồng**

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 46

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ bà Phan Thị Ngâm**

- \* Số CCCD: 0 Ngày cấp: 0
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 0,00 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	2	101	199,5	176,4	23,1
2	3	14	49,1	49,1	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	PHẦN BỒI THƯỜNG					8.838.000
1	Đất đai		225,5			8.838.000
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	49,1	180.000	100	8.838.000
-	Đất nông nghiệp công ích do UBND phường quản lý Không bồi thường, hỗ trợ	m <sup>2</sup>	176,4	0	100	0
II	PHẦN HỖ TRỢ					34.678.500

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>22</sup>	m <sup>2</sup>				29.705.500
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	49,1	605.000	100	29.705.500
2	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>4.482.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	3	1.494.000	100	4.482.000
3	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>491.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	49,1	10.000	100	491.000
III	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>43.516.500</b>

*Số tiền bằng chữ: Bốn mươi ba triệu, năm trăm mười sáu ngàn, năm trăm đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 47

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ bà Nguyễn Thị Nghĩa**

- \* Số CCCD: 001162023983 Ngày cấp: 04/04/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 4,50 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	1	45	101,1	100,1	1

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>18.018.000</b>
1	<b>Đất đai</b>		<b>100,1</b>			<b>18.018.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	100,1	180.000	100	18.018.000
II	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>66.043.500</b>
1	<b>Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m<sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m<sup>2</sup></b>	m <sup>2</sup>				<b>60.560.500</b>
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	100,1	605.000	100	60.560.500

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>4.482.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	3	1.494.000	100	4.482.000
<b>3</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>1.001.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	100,1	10.000	100	1.001.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>84.061.500</b>

*Số tiền bằng chữ: Tám mươi bốn triệu, không trăm sáu mươi một ngàn, năm trăm đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 48

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ bà Giang Thị Ngọc**

- \* Số CCCD: 001157028276 Ngày cấp: 18/12/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 13,80 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	2	41	548,3	410,5	137,8
2	3	138	157,5	157,5	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>102.240.000</b>
1	Đất đai		568,0			102.240.000
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	567,5	180.000	100	102.150.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	0,5	180.000	100	90.000
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>355.296.000</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: $121.000 \text{ đồng/m}^2 \times 5 \text{ lần} = 605.000 \text{ đồng/m}^2$	m <sup>2</sup>				343.640.000
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	567,5	605.000	100	343.337.500
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	0,5	605.000	100	302.500
2	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>5.976.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	4	1.494.000	100	5.976.000
3	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>5.680.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	568,0	10.000	100	5.680.000
III	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>457.536.000</b>

*Số tiền bằng chữ: Bốn trăm năm mươi bảy triệu, năm trăm ba mươi sáu ngàn đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 49

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ bà Giang Thị Nhung**

- \* Số CCCD: 0 Ngày cấp: 0
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 0,00 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	2	91	51,5	51,5	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
I	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>9.270.000</b>
1	<b>Đất đai</b>		<b>51,5</b>			<b>9.270.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP.	m <sup>2</sup>	37,0	180.000	100	6.660.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	14,5	180.000	100	2.610.000
II	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>36.154.500</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>	m <sup>2</sup>				<b>31.157.500</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
-	Đổi với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	37,0	605.000	100	22.385.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	14,5	605.000	100	8.772.500
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>4.482.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	3	1.494.000	100	4.482.000
<b>3</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>515.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	51,5	10.000	100	515.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>45.424.500</b>

*Số tiền bằng chữ: Bốn mươi lăm triệu, bốn trăm hai mươi bốn ngàn, năm trăm đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 50

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Đỗ Văn Thê (đã chết) con là ông Đỗ Văn Ninh**

- \* Số CCCD: 001069010034 Ngày cấp: 10/07/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 4,20 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	1	52	158,9	95,3	63,6

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
I	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>17.154.000</b>
1	<b>Đất đai</b>		<b>95,3</b>			<b>17.154.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP.	m <sup>2</sup>	21,0	180.000	100	3.780.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	74,3	180.000	100	13.374.000
II	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>61.597.500</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>22</sup>	m <sup>2</sup>				<b>57.656.500</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
-	Đổi với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	21,0	605.000	100	12.705.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	74,3	605.000	100	44.951.500
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>2.988.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	2	1.494.000	100	2.988.000
<b>3</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>953.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	95,3	10.000	100	953.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>78.751.500</b>

*Số tiền bằng chữ: Bảy mươi tám triệu, bảy trăm năm mươi một ngàn, năm trăm đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản với Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 51

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ bà Bùi Thị Ninh**

- \* Số CCCD: 001159010805 Ngày cấp: 04/05/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 15,20 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	2	67	220,5	148,5	72
2	3	7	248	248	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>71.370.000</b>
1	Đất đai		396,5			71.370.000
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	396,5	180.000	100	71.370.000
II	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>251.317.500</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>22</sup>	m <sup>2</sup>				239.882.500

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	396,5	605.000	100	239.882.500
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>7.470.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	5	1.494.000	100	7.470.000
<b>3</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>3.965.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	396,5	10.000	100	3.965.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>322.687.500</b>

*Số tiền bằng chữ: Ba trăm hai mươi hai triệu, sáu trăm tám mươi bảy ngàn, năm trăm đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 52

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ bà Phan Thị Oanh**

- \* Số CCCD: 001141001912 Ngày cấp: 04/05/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 19,60 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

<i>TT</i>	<i>Số tờ</i>	<i>Số thửa</i>	<i>Tổng Diện tích (m<sup>2</sup>)</i>	<i>Diện tích thu hồi (m<sup>2</sup>)</i>	<i>Diện tích Còn lại (m<sup>2</sup>)</i>
1	2	58	234,8	200,2	34,6
2	2	83	210,4	172,4	38
3	2	86	352,3	166,5	185,8

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

<i>TT</i>	<b>DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB</b>	<b>ĐVT</b>	<b>KHỐI LƯỢNG</b>	<b>ĐƠN GIÁ (đồng)</b>	<b>TỶ LỆ BT, HT (%)</b>	<b>THÀNH TIỀN (đồng)</b>
<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7=(4*5*6)</i>
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>97.038.000</b>
<b>1</b>	<b>Đất đai</b>		<b>539,1</b>			<b>97.038.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	507,5	180.000	100	91.350.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	31,6	180.000	100	5.688.000
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>331.546.500</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: <b>121.000 đồng/m<sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m<sup>2</sup></b>	m <sup>2</sup>				<b>326.155.500</b>
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	507,5	605.000	100	307.037.500
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	31,6	605.000	100	19.118.000
3	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>5.391.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	539,1	10.000	100	5.391.000
III	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>428.584.500</b>

*Số tiền bằng chữ: Bốn trăm hai mươi tám triệu, năm trăm tám mươi bốn ngàn, năm trăm đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 53

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ bà Giang Thị Phần**

- \* Số CCCD: 001166019307 Ngày cấp: 10/04/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 15,60 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	1	24	163,5	92,1	71,4
2	2	79	230,5	230,5	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>58.068.000</b>
1	Đất đai		322,6			58.068.000
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP.	m <sup>2</sup>	322,1	180.000	100	57.978.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	0,5	180.000	100	90.000
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>205.869.000</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>	m <sup>2</sup>				195.173.000
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	322,1	605.000	100	194.870.500
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	0,5	605.000	100	302.500
2	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>7.470.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	5	1.494.000	100	7.470.000
3	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>3.226.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	322,6	10.000	100	3.226.000
III	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>263.937.000</b>

**Số tiền bằng chữ: Hai trăm sáu mươi ba triệu, chín trăm ba mươi bảy ngàn đồng**

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 54

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Phan Văn Tư (đã chết) vợ là bà Giang Thị Phương**

\* Số CCCD: 001158023601

Ngày cấp: 08/04/2021

\* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây

\* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây

\* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng:

7,90 %

\* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	3	35	144,2	144,2	0
2	3	38	160,2	110,8	49,4

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>40.317.960</b>
<b>1</b>	<b>Đất đai</b>		<b>255,3</b>			<b>38.664.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	171,3	180.000	100	30.834.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	43,5	180.000	100	7.830.000
-	Đất nông nghiệp công ích do UBND phường quản lý Không bồi thường, hỗ trợ	m <sup>2</sup>	40,5	0	100	0
<b>2</b>	<b>Cây, hoa màu trồng trên đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Bồi thường bằng 100% đơn giá</b>					<b>1.653.960</b>
-	Lúa tẻ	m <sup>2</sup>	214,8	7.700	100	1.653.960

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>132.102.000</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: <b>121.000 đồng/m<sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m<sup>2</sup></b>	m <sup>2</sup>				<b>129.954.000</b>
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	171,3	605.000	100	103.636.500
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	43,5	605.000	100	26.317.500
3	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>2.148.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	214,8	10.000	100	2.148.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>172.419.960</b>

**Số tiền bằng chữ: Một trăm bảy mươi hai triệu, bốn trăm mười chín ngàn, chín trăm sáu mươi đồng**

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 55

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ bà Phan Thị Minh Phượng**

- \* Số CCCD: 0 Ngày cấp: 0
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 0,00 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	1	10	219,6	102,1	117,5

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>18.378.000</b>
1	<b>Đất đai</b>		<b>102,1</b>			<b>18.378.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP.	m <sup>2</sup>	68	180.000	100	12.240.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	34,1	180.000	100	6.138.000
II	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>62.791.500</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>	m <sup>2</sup>				<b>61.770.500</b>

<b>TT</b>	<b>DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB</b>	<b>ĐVT</b>	<b>KHỐI LƯỢNG</b>	<b>ĐƠN GIÁ (đồng)</b>	<b>TỶ LỆ BT, HT (%)</b>	<b>THÀNH TIỀN (đồng)</b>
-	Đổi với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	68,0	605.000	100	41.140.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	34,1	605.000	100	20.630.500
<b>3</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>1.021.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	102,1	10.000	100	1.021.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>81.169.500</b>

*Số tiền bằng chữ: Tám mươi một triệu, một trăm sáu mươi chín ngàn, năm trăm đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 56

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Kiều Văn Quốc**

- \* Số CCCD: 001020001058 Ngày cấp: 04/04/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 1,80 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	3	48	59	59	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
I	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>11.074.300</b>
<b>1</b>	<b>Đất đai</b>		<b>59,0</b>			<b>10.620.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP.	m <sup>2</sup>	56,0	180.000	100	10.080.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	3,0	180.000	100	540.000
<b>2</b>	<b>Cây, hoa màu trồng trên đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Bồi thường bằng 100% đơn giá</b>					<b>454.300</b>
-	Lúa tẻ	m <sup>2</sup>	59,0	7.700	100	454.300
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>40.767.000</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>22</sup>	m <sup>2</sup>				35.695.000
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	56,0	605.000	100	33.880.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	3,0	605.000	100	1.815.000
2	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>4.482.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	3	1.494.000	100	4.482.000
3	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>590.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	59,0	10.000	100	590.000
III	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>51.841.300</b>

*Số tiền bằng chữ: Năm mươi một triệu, tám trăm bốn mươi một ngàn, ba trăm đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 57

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Hà Văn Phôn (đã chết) con là ông Hà Kim Quy**

- \* Số CCCD: 0 Ngày cấp: 0
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 8,80 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	2	50	94,6	94,6	0
2	2	93	96,7	96,7	0
3	3	13	175,3	175,3	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
I	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>65.988.000</b>
1	<b>Đất đai</b>		<b>366,6</b>			<b>65.988.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	196,0	180.000	100	35.280.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	170,6	180.000	100	30.708.000
II	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>232.929.000</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>	m <sup>2</sup>				221.793.000
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	196,0	605.000	100	118.580.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	170,6	605.000	100	103.213.000
2	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>7.470.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	5	1.494.000	100	7.470.000
3	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>3.666.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	366,6	10.000	100	3.666.000
III	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>298.917.000</b>

**Số tiền bằng chữ: Hai trăm chín mươi tám triệu, chín trăm mười bảy ngàn đồng**

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 58

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Hà Văn Soạn**

- \* Số CCCD: 001034001374 Ngày cấp: 25/04/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 5,30 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	1	44	235,1	136,6	98,5
2	2	22	302,9	27,2	275,7

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>30.384.900</b>
1	Đất đai		163,8			29.484.000
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	163,8	180.000	100	29.484.000
2	Cây, hoa màu trồng trên đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Bồi thường bằng 100% đơn giá					900.900
-	Ngô	m <sup>2</sup>	163,8	5.500	100	900.900
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>100.737.000</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>22</sup>	m <sup>2</sup>				99.099.000
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	163,8	605.000	100	99.099.000
3	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>1.638.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	163,8	10.000	100	1.638.000
III	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>131.121.900</b>

*Số tiền bằng chữ: Một trăm ba mươi một triệu, một trăm hai mươi một ngàn, chín trăm đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 59

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Ông Hà Văn Sơn**

- \* Số CCCD: 001063010130 Ngày cấp: 04/05/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 100,00 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	3	51	607,6	607,6	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BÒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
I	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	<b>PHẦN BÒI THƯỜNG</b>					<b>109.368.000</b>
1	<b>Đất đai</b>		<b>607,6</b>			<b>109.368.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP.	m <sup>2</sup>	607,6	180.000	100	109.368.000
II	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>379.650.000</b>
1	<b>Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m<sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m<sup>2</sup></b>	m <sup>2</sup>				<b>367.598.000</b>
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	607,6	605.000	100	367.598.000

TT	DANH MỤC BÒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>5.976.000</b>
	Hỗ trợ gạo 12 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ lớn hơn 70% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 06 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 2.988.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	1	5.976.000	100	5.976.000
<b>3</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>6.076.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	607,6	10.000	100	6.076.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>489.018.000</b>

*Số tiền bằng chữ: Bốn trăm tám mươi chín triệu, không trăm mười tám ngàn đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản với Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 60

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ bà Hà Thị Sơn**

- \* Số CCCD: 001162034213 Ngày cấp: 18/12/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 24,50 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	2	77	337,3	336,2	1,1

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>60.516.000</b>
<b>1</b>	<b>Đất đai</b>		<b>336,2</b>			<b>60.516.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP.	m <sup>2</sup>	336,0	180.000	100	60.480.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	0,2	180.000	100	36.000
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>209.751.000</b>
<b>1</b>	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>	m <sup>2</sup>				<b>203.401.000</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	336,0	605.000	100	203.280.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	0,2	605.000	100	121.000
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>2.988.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	2	1.494.000	100	2.988.000
<b>3</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>3.362.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	336,2	10.000	100	3.362.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>270.267.000</b>

*Số tiền bằng chữ: Hai trăm bảy mươi triệu, hai trăm sáu mươi bảy ngàn đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản với Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 61

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ bà Kiều Thị Tới (đã chết) con là ông Phan Văn Sùng**

- \* Số CCCD: 001068003414 Ngày cấp: 10/05/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 17,80 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	3	36	439,6	439,6	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
I	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>79.128.000</b>
1	<b>Đất đai</b>		<b>439,6</b>			<b>79.128.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP.	m <sup>2</sup>	438,0	180.000	100	78.840.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	1,6	180.000	100	288.000
II	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>270.354.000</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>	m <sup>2</sup>				<b>265.958.000</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
-	Đổi với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	438,0	605.000	100	264.990.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	1,6	605.000	100	968.000
<b>3</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đổi với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>4.396.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đổi với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	439,6	10.000	100	4.396.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>349.482.000</b>

*Số tiền bằng chữ: Ba trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm tám mươi hai ngàn đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản với Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 62

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Phan Ngọc Thái**

- \* Số CCCD: 001074047360 Ngày cấp: 04/02/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 8,70 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	1	42	313,4	86	227,4

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>16.142.200</b>
1	<b>Đất đai</b>		<b>86,0</b>			<b>15.480.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP.	m <sup>2</sup>	86,0	180.000	100	15.480.000
2	<b>Cây, hoa màu trồng trên đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Bồi thường bằng 100% đơn giá</b>					<b>662.200</b>
-	Lúa tẻ	m <sup>2</sup>	86,0	7.700	100	662.200
II	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>52.890.000</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>	m <sup>2</sup>				<b>52.030.000</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	86,0	605.000	100	52.030.000
<b>3</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>860.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	86,0	10.000	100	860.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>69.032.200</b>

*Số tiền bằng chữ: Sáu mươi chín triệu, không trăm ba mươi hai ngàn, hai trăm đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 63

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ bà Trương Thị Thắm**

- \* Số CCCD: 001161009384 Ngày cấp: 10/07/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 12,60 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

<i>TT</i>	<i>Số tờ</i>	<i>Số thửa</i>	<i>Tổng Diện tích (m<sup>2</sup>)</i>	<i>Diện tích thu hồi (m<sup>2</sup>)</i>	<i>Diện tích Còn lại (m<sup>2</sup>)</i>
1	2	48	470,9	334,4	136,5

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

<i>TT</i>	<b>DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB</b>	<b>ĐVT</b>	<b>KHỐI LƯỢNG</b>	<b>ĐƠN GIÁ (đồng)</b>	<b>TỶ LỆ BT, HT (%)</b>	<b>THÀNH TIỀN (đồng)</b>
<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7=(4*5*6)</i>
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>60.192.000</b>
<b>1</b>	<b>Đất đai</b>		<b>334,4</b>			<b>60.192.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP.	m <sup>2</sup>	334,4	180.000	100	60.192.000
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>214.620.000</b>
<b>1</b>	<b>Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m<sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m<sup>2</sup></b>	m <sup>2</sup>				<b>202.312.000</b>
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	334,4	605.000	100	202.312.000

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>8.964.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	6	1.494.000	100	8.964.000
<b>3</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>3.344.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	334,4	10.000	100	3.344.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>274.812.000</b>

**Số tiền bằng chữ: Hai trăm bảy mươi bốn triệu, tám trăm mười hai ngàn đồng**

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản với Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 64

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Nguyễn Văn Thân**

- \* Số CCCD: 001069016724 Ngày cấp: 04/05/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 9,90 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	2	55	425,5	425,5	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>76.590.000</b>
<b>1</b>	<b>Đất đai</b>		<b>425,5</b>			<b>76.590.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP.	m <sup>2</sup>	425,5	180.000	100	76.590.000
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>261.682.500</b>
<b>1</b>	<b>Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m<sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m<sup>2</sup></b>	m <sup>2</sup>				<b>257.427.500</b>
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	425,5	605.000	100	257.427.500

<b>TT</b>	<b>DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB</b>	<b>ĐVT</b>	<b>KHỐI LƯỢNG</b>	<b>ĐƠN GIÁ (đồng)</b>	<b>TỶ LỆ BT, HT (%)</b>	<b>THÀNH TIỀN (đồng)</b>
<b>2</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>4.255.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	425,5	10.000	100	4.255.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>338.272.500</b>

*Số tiền bằng chữ: Ba trăm ba mươi tám triệu, hai trăm bảy mươi hai ngàn, năm trăm đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 65

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Nguyễn Văn Châng (đã chết) con gái bà Nguyễn Thị Thanh**

\* Số CCCD: 001172020697 Ngày cấp: 10/07/2021

\* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây

\* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây

\* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 2,90 %

\* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	2	24	134,1	134,1	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
I	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>24.138.000</b>
1	Đất đai		134,1			24.138.000
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP.	m <sup>2</sup>	104,0	180.000	100	18.720.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	30,1	180.000	100	5.418.000
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>88.447.500</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>	m <sup>2</sup>				81.130.500

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
-	Đổi với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	104,0	605.000	100	62.920.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	30,1	605.000	100	18.210.500
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>5.976.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	4	1.494.000	100	5.976.000
<b>3</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>1.341.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	134,1	10.000	100	1.341.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>112.585.500</b>

*Số tiền bằng chữ: Một trăm mười hai triệu, năm trăm tám mươi lăm ngàn, năm trăm đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản với Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 66

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ bà Đặng Thị Thanh**

- \* Số CCCD: 015123001290 Ngày cấp: 18/12/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 5,60 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

<i>TT</i>	<i>Số tờ</i>	<i>Số thửa</i>	<i>Tổng Diện tích (m<sup>2</sup>)</i>	<i>Diện tích thu hồi (m<sup>2</sup>)</i>	<i>Diện tích Còn lại (m<sup>2</sup>)</i>
1	2	75	82,2	82,2	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

<b>TT</b>	<b>DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB</b>	<b>ĐVT</b>	<b>KHỐI LƯỢNG</b>	<b>ĐƠN GIÁ (đồng)</b>	<b>TỶ LỆ BT, HT (%)</b>	<b>THÀNH TIỀN (đồng)</b>
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7=(4*5*6)</i>
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>15.428.940</b>
<b>1</b>	<b>Đất đai</b>		<b>82,2</b>			<b>14.796.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP.	m <sup>2</sup>	82,2	180.000	100	14.796.000
<b>2</b>	<b>Cây, hoa màu trồng trên đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Bồi thường bằng 100% đơn giá</b>					<b>632.940</b>
-	Lúa tẻ	m <sup>2</sup>	82,2	7.700	100	632.940
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>56.529.000</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>	m <sup>2</sup>				49.731.000
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	82,2	605.000	100	49.731.000
2	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>5.976.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	4	1.494.000	100	5.976.000
3	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>822.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	82,2	10.000	100	822.000
III	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>71.957.940</b>

*Số tiền bằng chữ: Bảy mươi một triệu, chín trăm năm mươi bảy ngàn, chín trăm bốn mươi đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 67

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ bà Phan Thị Thanh**

- \* Số CCCD: 0 Ngày cấp: 0
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 2,10 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	2	99	311,4	51,9	259,5

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
I	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>9.342.000</b>
1	<b>Đất đai</b>		<b>51,9</b>			<b>9.342.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	51,9	180.000	100	9.342.000
II	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>31.918.500</b>
1	<b>Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m<sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m<sup>2</sup></b>	m <sup>2</sup>				<b>31.399.500</b>
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	51,9	605.000	100	31.399.500

<b>TT</b>	<b>DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB</b>	<b>ĐVT</b>	<b>KHỐI LƯỢNG</b>	<b>ĐƠN GIÁ (đồng)</b>	<b>TỶ LỆ BT, HT (%)</b>	<b>THÀNH TIỀN (đồng)</b>
<b>3</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>519.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	51,9	10.000	100	519.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>41.260.500</b>

*Số tiền bằng chữ: Bốn mươi một triệu, hai trăm sáu mươi ngàn, năm trăm đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản với Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 68

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Hà Hữu Thế**

- \* Số CCCD: 001053018681 Ngày cấp: 18/12/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 4,90 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	1	47	50,2	32,2	18
2	2	32	149,3	149,3	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>34.067.550</b>
1	<b>Đất đai</b>		<b>181,5</b>			<b>32.670.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP.	m <sup>2</sup>	181,2	180.000	100	32.616.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	0,3	180.000	100	54.000
2	<b>Cây, hoa màu trồng trên đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Bồi thường bằng 100% đơn giá</b>					<b>1.397.550</b>
-	Lúa tẻ	m <sup>2</sup>	181,5	7.700	100	1.397.550
II	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>117.598.500</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>22</sup>	m <sup>2</sup>				109.807.500
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	181,2	605.000	100	109.626.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	0,3	605.000	100	181.500
2	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>5.976.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	4	1.494.000	100	5.976.000
3	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>1.815.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	181,5	10.000	100	1.815.000
III	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>151.666.050</b>

*Số tiền bằng chữ: Một trăm năm mươi một triệu, sáu trăm sáu mươi sáu ngàn, không trăm năm mươi đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 69

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Nguyễn Văn Thân đã chết, Nguyễn Thị Thiệp**

- \* Số CCCD: 0 Ngày cấp: 0
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 0,00 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	3	43	505,9	237,6	268,3

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>44.597.520</b>
1	Đất đai		237,6			42.768.000
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP.	m <sup>2</sup>	237,6	180.000	100	42.768.000
2	Cây, hoa màu trồng trên đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Bồi thường bằng 100% đơn giá					1.829.520
-	Lúa tẻ	m <sup>2</sup>	237,6	7.700	100	1.829.520
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>152.100.000</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>	m <sup>2</sup>				143.748.000

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	237,6	605.000	100	143.748.000
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>5.976.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	4	1.494.000	100	5.976.000
<b>3</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>2.376.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	237,6	10.000	100	2.376.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>196.697.520</b>

*Số tiền bằng chữ: Một trăm chín mươi sáu triệu, sáu trăm chín mươi bảy ngàn, năm trăm hai mươi đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản với Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 70

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ bà Đỗ Thị Thả (đã chết) con là ông Phan Văn Thiết**

- \* Số CCCD: 001141009857 Ngày cấp: 16/03/2022
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 6,20 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	1	38	616,2	341,6	274,6

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
I	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>61.488.000</b>
1	<b>Đất đai</b>		<b>341,6</b>			<b>61.488.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	341,6	180.000	100	61.488.000
II	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>220.542.000</b>
1	<b>Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m<sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m<sup>2</sup></b>	m <sup>2</sup>				<b>206.668.000</b>
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	341,6	605.000	100	206.668.000

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>10.458.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	7	1.494.000	100	10.458.000
<b>3</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>3.416.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	341,6	10.000	100	3.416.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>282.030.000</b>

*Số tiền bằng chữ: Hai trăm tám mươi hai triệu, không trăm ba mươi ngàn đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 71

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Đỗ Văn Thịnh**

- \* Số CCCD: 0 Ngày cấp: 0
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 10,40 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	2	21	356,2	356,2	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>66.431.300</b>
<b>1</b>	<b>Đất đai</b>		<b>356,2</b>			<b>64.116.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP.	m <sup>2</sup>	343,0	180.000	100	61.740.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	13,2	180.000	100	2.376.000
<b>2</b>	<b>Cây, hoa màu trồng trên đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Bồi thường bằng 100% đơn giá</b>					<b>2.315.300</b>
-	Lạc	m <sup>2</sup>	356,2	6.500	100	2.315.300
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>226.533.000</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>	m <sup>2</sup>				215.501.000
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	343,0	605.000	100	207.515.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	13,2	605.000	100	7.986.000
2	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>7.470.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	5	1.494.000	100	7.470.000
3	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>3.562.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	356,2	10.000	100	3.562.000
III	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>292.964.300</b>

**Số tiền bằng chữ: Hai trăm chín mươi hai triệu, chín trăm sáu mươi bốn ngàn, ba trăm đồng**

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 72

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Phan Văn Xuyên đã chết, vợ Hà Thị Thọ**

- \* Số CCCD: 001039007596 Ngày cấp: 02/05/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 5,90 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	3	33	196,1	196,1	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
I	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>36.807.970</b>
1	<b>Đất đai</b>		<b>196,1</b>			<b>35.298.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP.	m <sup>2</sup>	196,0	180.000	100	35.280.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	0,1	180.000	100	18.000
2	<b>Cây, hoa màu trồng trên đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Bồi thường bằng 100% đơn giá</b>					<b>1.509.970</b>
-	Lúa tẻ	m <sup>2</sup>	196,1	7.700	100	1.509.970
II	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>126.577.500</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>	m <sup>2</sup>				118.640.500
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	196,0	605.000	100	118.580.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	0,1	605.000	100	60.500
2	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>5.976.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	4	1.494.000	100	5.976.000
3	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>1.961.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	196,1	10.000	100	1.961.000
III	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>163.385.470</b>

*Số tiền bằng chữ: Một trăm sáu mươi ba triệu, ba trăm tám mươi lăm ngàn, bốn trăm bảy mươi đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 73

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ bà Quách Thị Thử**

- \* Số CCCD: 0 Ngày cấp: 0
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 15,10 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	1	46	482,3	482,3	0
2	1	50	82,9	82,9	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>101.736.000</b>
1	Đất đai		565,2			101.736.000
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	565,1	180.000	100	101.718.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	0,1	180.000	100	18.000
II	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>355.068.000</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>	m <sup>2</sup>				341.946.000
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	565,1	605.000	100	341.885.500
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	0,1	605.000	100	60.500
2	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>7.470.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	5	1.494.000	100	7.470.000
3	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>5.652.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	565,2	10.000	100	5.652.000
III	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>456.804.000</b>

*Số tiền bằng chữ: Bốn trăm năm mươi sáu triệu, tám trăm lẻ bốn ngàn đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 74

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ bà Phan Thị Thuận**

- \* Số CCCD: 0 Ngày cấp: 0
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 0,00 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	1	28	374,3	369,8	4,5

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>66.564.000</b>
1	<b>Đất đai</b>		<b>369,8</b>			<b>66.564.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP.	m <sup>2</sup>	369,8	180.000	100	66.564.000
II	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>227.427.000</b>
1	<b>Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m<sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m<sup>2</sup></b>	m <sup>2</sup>				<b>223.729.000</b>
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	369,8	605.000	100	223.729.000

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
3	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>3.698.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	369,8	10.000	100	3.698.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>293.991.000</b>

*Số tiền bằng chữ: Hai trăm chín mươi ba triệu, chín trăm chín mươi một ngàn đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 76

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ bà Phan Thị Thủy**

- \* Số CCCD: 001157009536 Ngày cấp: 10/07/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 21,20 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	1	54	321,9	321,9	0
2	3	135	201,3	201,3	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>94.176.000</b>
1	<b>Đất đai</b>		<b>523,2</b>			<b>94.176.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	520,0	180.000	100	93.600.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	3,2	180.000	100	576.000
II	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>333.720.000</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>	m <sup>2</sup>				316.536.000
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	520,0	605.000	100	314.600.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	3,2	605.000	100	1.936.000
2	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>11.952.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	8	1.494.000	100	11.952.000
3	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>5.232.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	523,2	10.000	100	5.232.000
III	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>427.896.000</b>

*Số tiền bằng chữ: Bốn trăm hai mươi bảy triệu, tám trăm chín mươi sáu ngàn đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 76

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Hà Văn Tiến**

- \* Số CCCD: 001065012845 Ngày cấp: 10/07/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 15,50 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	2	46	224	214,4	9,6

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
I	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>38.592.000</b>
1	<b>Đất đai</b>		<b>214,4</b>			<b>38.592.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP.	m <sup>2</sup>	214,4	180.000	100	38.592.000
II	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>137.832.000</b>
1	<b>Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m<sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m<sup>2</sup></b>	m <sup>2</sup>				<b>129.712.000</b>
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	214,4	605.000	100	129.712.000

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
2	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>5.976.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	4	1.494.000	100	5.976.000
3	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>2.144.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	214,4	10.000	100	2.144.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>176.424.000</b>

**Số tiền bằng chữ: Một trăm bảy mươi sáu triệu, bốn trăm hai mươi bốn ngàn đồng**

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 77

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ bà Hà Thị Ngân (đã chết) con là ông Phan Văn Tiên**

- \* Số CCCD: 001072008006 Ngày cấp: 25/04/2022
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 9,00 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	3	26	212,9	212,9	0,0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
I	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>38.322.000</b>
1	<b>Đất đai</b>		<b>212,9</b>			<b>38.322.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP.	m <sup>2</sup>	205,0	180.000	100	36.900.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	7,9	180.000	100	1.422.000
II	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>136.909.500</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>22</sup>	m <sup>2</sup>				<b>128.804.500</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	205,0	605.000	100	124.025.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	7,9	605.000	100	4.779.500
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>5.976.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	4	1.494.000	100	5.976.000
<b>3</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>2.129.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	212,9	10.000	100	2.129.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>175.231.500</b>

*Số tiền bằng chữ: Một trăm bảy mươi lăm triệu, hai trăm ba mươi một ngàn, năm trăm đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 78

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ bà Kiều Thị Tính**

- \* Số CCCD: 001158038867 Ngày cấp: 18/12/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 9,60 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	2	20	344,3	344,3	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
I	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>64.211.950</b>
1	<b>Đất đai</b>		<b>344,3</b>			<b>61.974.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP.	m <sup>2</sup>	343,0	180.000	100	61.740.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	1,3	180.000	100	234.000
2	<b>Cây, hoa màu trồng trên đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Bồi thường bằng 100% đơn giá</b>					<b>2.237.950</b>
-	Lạc	m <sup>2</sup>	344,3	6.500	100	2.237.950
II	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>211.744.500</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>22</sup>	m <sup>2</sup>				208.301.500
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	343,0	605.000	100	207.515.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	1,3	605.000	100	786.500
3	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>3.443.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	344,3	10.000	100	3.443.000
III	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>275.956.450</b>

**Số tiền bằng chữ: Hai trăm bảy mươi lăm triệu, chín trăm năm mươi sáu ngàn, bốn trăm năm mươi đồng**

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 79

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Nguyễn Văn Mão (Đen) đã chết) vợ là bà Khuất Thị Tinh**

- \* Số CCCD: 017163000101 Ngày cấp: 24/12/2024
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 31,40 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	2	51	52,9	52,9	0
2	2	54	75,4	75,4	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>13.572.000</b>
<b>1</b>	<b>Đất đai</b>		<b>128,3</b>			<b>13.572.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	42	180.000	100	7.560.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	33,4	180.000	100	6.012.000
-	Đất nông nghiệp công ích do UBND phường quản lý Không bồi thường, hỗ trợ	m <sup>2</sup>	52,9	0	100	0
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>46.371.000</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>22</sup>					45.617.000
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	42,0	605.000	100	25.410.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	33,4	605.000	100	20.207.000
2	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					754.000
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	75,4	10.000	100	754.000
III	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>59.943.000</b>

*Số tiền bằng chữ: Năm mươi chín triệu, chín trăm bốn mươi ba ngàn đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 80

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Hà Văn Toán**

- \* Số CCCD: 001073005370 Ngày cấp: 10/07/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 9,10 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	2	71	376,8	206,5	170,3

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
I	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>37.170.000</b>
1	<b>Đất đai</b>		206,5			<b>37.170.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP.	m <sup>2</sup>	206,5	180.000	100	37.170.000
II	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>126.997.500</b>
1	<b>Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m<sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m<sup>2</sup></b>	m <sup>2</sup>				<b>124.932.500</b>
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	206,5	605.000	100	124.932.500

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
2	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>2.065.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử	m <sup>2</sup>	206,5	10.000	100	2.065.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>164.167.500</b>

**Số tiền bằng chữ: Một trăm sáu mươi bốn triệu, một trăm sáu mươi bảy ngàn, năm trăm đồng**

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản với Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 81

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Phan Văn Trực**

- \* Số CCCD: 001059028505 Ngày cấp: 24/06/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 29,30 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	2	85	256,8	256,8	0
2	2	82	210,6	185,2	25,4
3	3	17	446,4	224,3	222,1

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
I	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>119.934.000</b>
1	<b>Đất đai</b>		<b>666,3</b>			<b>119.934.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP.	m <sup>2</sup>	659,1	180.000	100	118.638.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	7,2	180.000	100	1.296.000
II	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>412.762.500</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>22</sup>	m <sup>2</sup>				403.111.500
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	659,1	605.000	100	398.755.500
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	7,20	605.000	100	4.356.000
2	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>2.988.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	2	1.494.000	100	2.988.000
3	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>6.663.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	666,3	10.000	100	6.663.000
III	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>532.696.500</b>

*Số tiền bằng chữ: Năm trăm ba mươi hai triệu, sáu trăm chín mươi sáu ngàn, năm trăm đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 82

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Phan Văn Trường**

- \* Số CCCD: 0 Ngày cấp: 0
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 8,60 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	1	27	644,8	144,6	500,2

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>26.028.000</b>
1	Đất đai		144,6			26.028.000
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP.	m <sup>2</sup>	144,6	180.000	100	26.028.000
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>88.929.000</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>	m <sup>2</sup>				87.483.000
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	144,6	605.000	100	87.483.000

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
3	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>1.446.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	144,6	10.000	100	1.446.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>114.957.000</b>

*Số tiền bằng chữ: Một trăm mười bốn triệu, chín trăm năm mươi bảy ngàn đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản với Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 83

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Nguyễn Văn Tuấn**

- \* Số CCCD: 001063043353 Ngày cấp: 09/08/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 7,20 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	2	64	162,4	162,4	0
2	3	12	81,5	81,5	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>43.902.000</b>
1	Đất đai		243,9			43.902.000
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP.	m <sup>2</sup>	242,0	180.000	100	43.560.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	1,9	180.000	100	342.000
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>154.480.500</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>	m <sup>2</sup>				147.559.500
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	242,0	605.000	100	146.410.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	1,9	605.000	100	1.149.500
2	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>4.482.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	3	1.494.000	100	4.482.000
3	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>2.439.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	243,9	10.000	100	2.439.000
III	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>198.382.500</b>

*Số tiền bằng chữ: Một trăm chín mươi tám triệu, ba trăm tám mươi hai ngàn, năm trăm đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 84

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Nguyễn Văn Tý**

- \* Số CCCD: 001060024949 Ngày cấp: 09/04/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 15,00 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	2	52	934,1	748,9	185,2

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>84.089.600</b>
<b>1</b>	<b>Đất đai</b>		<b>748,9</b>			<b>80.640.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP.	m <sup>2</sup>	448,0	180.000	100	80.640.000
-	Đất nông nghiệp công ích do UBND phường quản lý Không bồi thường, hỗ trợ	m <sup>2</sup>	300,9	0	100	0
<b>2</b>	<b>Cây, hoa màu trồng trên đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Bồi thường bằng 100% đơn giá</b>					<b>3.449.600</b>
-	Lúa tẻ	m <sup>2</sup>	448,0	7.700	100	3.449.600
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>282.990.000</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>22</sup>	m <sup>2</sup>				271.040.000
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	448,0	605.000	100	271.040.000
2	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>7.470.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	5	1.494.000	100	7.470.000
3	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>4.480.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	448,0	10.000	100	4.480.000
III	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>367.079.600</b>

**Số tiền bằng chữ: Ba trăm sáu mươi bảy triệu, không trăm bảy mươi chín ngàn, sáu trăm đồng**

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 85

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ bà Nguyễn Thị Văn**

\* Số CCCD: 001162037580

Ngày cấp: 18/12/2021

\* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây

\* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây

\* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng:

5,70 %

\* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	1	51	115	115	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
I	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>20.700.000</b>
1	<b>Đất đai</b>		<b>115,0</b>			<b>20.700.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP.	m <sup>2</sup>	115,0	180.000	100	20.700.000
II	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>82.677.000</b>
1	<b>Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m<sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m<sup>2</sup></b>	m <sup>2</sup>				<b>69.575.000</b>
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	115,0	605.000	100	69.575.000

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>11.952.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	8	1.494.000	100	11.952.000
<b>3</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>1.150.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	115,0	10.000	100	1.150.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>103.377.000</b>

*Số tiền bằng chữ: Một trăm lẻ ba triệu, ba trăm bảy mươi bảy ngàn đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 86

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Phan Văn Ve**

- \* Số CCCD: 001034000391 Ngày cấp: 24/06/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 5,50 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	2	30	480,7	11,5	469,2
2	2	70	117,7	117,7	0
3	3	41	110,5	110,5	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
1	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>40.167.800</b>
1	<b>Đất đai</b>		<b>239,7</b>			<b>38.520.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP.	m <sup>2</sup>	214,0	180.000	100	38.520.000
-	Đất nông nghiệp công ích do UBND phường quản lý Không bồi thường, hỗ trợ	m <sup>2</sup>	25,7	0	100	0
2	<b>Cây, hoa màu trồng trên đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Bồi thường bằng 100% đơn giá</b>					<b>1.647.800</b>
-	Lúa tẻ	m <sup>2</sup>	214,0	7.700	100	1.647.800

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>142.068.000</b>
<b>1</b>	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>22</sup>	m <sup>2</sup>				<b>129.470.000</b>
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	214,0	605.000	100	129.470.000
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>10.458.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	7	1.494.000	100	10.458.000
<b>3</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>2.140.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	214,0	10.000	100	2.140.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>182.235.800</b>

*Số tiền bằng chữ: Một trăm tám mươi hai triệu, hai trăm ba mươi lăm ngàn, tám trăm đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 88

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Giang Văn Tường (đã chết) đại diện con trai là ông Giang Văn Viện**

- \* Số CCCD: 001068009694 Ngày cấp: 10/07/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 17,60 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	2	16	512,6	104,1	408,5
2	3	47	96,3	96,3	0
3	3	52	473,2	473,2	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
I	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>103.914.000</b>
<b>1</b>	<b>Đất đai</b>		<b>673,6</b>			<b>103.914.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	577,1	180.000	100	103.878.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	0,2	180.000	100	36.000
-	Đất nông nghiệp công ích do UBND phường quản lý Không bồi thường, hỗ trợ	m <sup>2</sup>	96,3	0	100	0
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>364.003.500</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>	m <sup>2</sup>				349.266.500
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	577,1	605.000	100	349.145.500
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	0,2	605.000	100	121.000
2	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>8.964.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	6	1.494.000	100	8.964.000
3	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>5.773.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	577,3	10.000	100	5.773.000
III	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>467.917.500</b>

*Số tiền bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi bảy triệu, chín trăm mười bảy ngàn, năm trăm đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 88

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Phan Thế Việt**

- \* Số CCCD: 001058013525 Ngày cấp: 10/07/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 10,30 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	2	89	262,1	262,1	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
I	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>47.178.000</b>
<b>1</b>	<b>Đất đai</b>		<b>262,1</b>			<b>47.178.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP.	m <sup>2</sup>	262,0	180.000	100	47.160.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	0,1	180.000	100	18.000
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>168.661.500</b>
<b>1</b>	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>	m <sup>2</sup>				<b>158.570.500</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	262,0	605.000	100	158.510.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	0,1	605.000	100	60.500
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>7.470.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	5	1.494.000	100	7.470.000
<b>3</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>2.621.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	262,1	10.000	100	2.621.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>215.839.500</b>

*Số tiền bằng chữ: Hai trăm mười lăm triệu, tám trăm ba mươi chín ngàn, năm trăm đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

(Dự thảo)

STT: 89

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Đỗ Văn Vĩnh**

- \* Số CCCD: 001057002860 Ngày cấp: 04/05/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 0,00 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	3	34	282,5	282,5	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
I	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>53.025.250</b>
1	<b>Đất đai</b>		<b>282,5</b>			<b>50.850.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	282,5	180.000	100	50.850.000
2	<b>Cây, hoa màu trồng trên đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Bồi thường bằng 100% đơn giá</b>					<b>2.175.250</b>
-	Lúa tẻ	m <sup>2</sup>	282,5	7.700	100	2.175.250
II	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>175.231.500</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>	m <sup>2</sup>				<b>170.912.500</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	282,5	605.000	100	170.912.500
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>1.494.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	1	1.494.000	100	1.494.000
<b>3</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>2.825.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	282,5	10.000	100	2.825.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>228.256.750</b>

*Số tiền bằng chữ: Hai trăm hai mươi tám triệu, hai trăm năm mươi sáu ngàn, bảy trăm năm mươi đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 90

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Giang Văn Vượng**

- \* Số CCCD: 001062018856 Ngày cấp: 01/10/2019
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 18,10 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	1	39	246,2	246,2	0
2	2	36	692,1	246,5	445,6

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>91.888.550</b>
1	<b>Đất đai</b>		<b>492,7</b>			<b>88.686.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	492,7	180.000	100	88.686.000
2	<b>Cây, hoa màu trồng trên đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Bồi thường bằng 100% đơn giá</b>					<b>3.202.550</b>
-	Lạc	m <sup>2</sup>	492,7	6.500	100	3.202.550
II	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>314.962.500</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>22</sup>	m <sup>2</sup>				298.083.500
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	492,7	605.000	100	298.083.500
2	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>11.952.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	8	1.494.000	100	11.952.000
3	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>4.927.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	492,7	10.000	100	4.927.000
III	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>406.851.050</b>

*Số tiền bằng chữ: Bốn trăm lẻ sáu triệu, tám trăm năm mươi một ngàn, không trăm năm mươi đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 91

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Đỗ Văn Vượng**

- \* Số CCCD: 001057007993 Ngày cấp: 10/07/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 0,00 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	3	137	306,5	306,5	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
I	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>55.170.000</b>
1	<b>Đất đai</b>		<b>306,5</b>			<b>55.170.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP.	m <sup>2</sup>	306,0	180.000	100	55.080.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	0,5	180.000	100	90.000
II	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>188.497.500</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>22</sup>	m <sup>2</sup>				<b>185.432.500</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	306,0	605.000	100	185.130.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	0,5	605.000	100	302.500
<b>3</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>3.065.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	306,5	10.000	100	3.065.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>243.667.500</b>

*Số tiền bằng chữ: Hai trăm bốn mươi ba triệu, sáu trăm sáu mươi bảy ngàn, năm trăm đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 92

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Hà Hữu Vy**

- \* Số CCCD: 001050019620 Ngày cấp: 28/02/2022
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 6,60 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	1	30	189,4	189,4	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
I	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>34.092.000</b>
1	<b>Đất đai</b>		<b>189,4</b>			<b>34.092.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP.	m <sup>2</sup>	178,0	180.000	100	32.040.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	11,4	180.000	100	2.052.000
II	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>123.951.000</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>	m <sup>2</sup>				<b>114.587.000</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	178,0	605.000	100	107.690.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	11,4	605.000	100	6.897.000
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>7.470.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	5	1.494.000	100	7.470.000
<b>3</b>	<b>Thuởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>1.894.000</b>
-	Thuởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	189,4	10.000	100	1.894.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>158.043.000</b>

*Số tiền bằng chữ: Một trăm năm mươi tám triệu, không trăm bốn mươi ba ngàn đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 93

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Bùi Văn Xuân**

- \* Số CCCD: 001061027306 Ngày cấp: 10/05/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 29,50 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	2	33	461,2	461,2	0
2	3	46	650,5	545,4	105,1

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>181.188.000</b>
1	Đất đai		1.006,6			181.188.000
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	961,0	180.000	100	172.980.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	45,6	180.000	100	8.208.000
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>626.463.000</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>22</sup>	m <sup>2</sup>				608.993.000
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	961,0	605.000	100	581.405.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	45,6	605.000	100	27.588.000
2	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>7.470.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	5	1.494.000	100	7.470.000
3	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>10.000.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	1.006,6	10.000	100	10.000.000
III	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>807.651.000</b>

*Số tiền bằng chữ: Tám trăm lẻ bảy triệu, sáu trăm năm mươi một ngàn đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản với Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 94

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Hà Văn Yên**

- \* Số CCCD: 001049006502 Ngày cấp: 10/04/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 4,80 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	3	37	165,9	165,9	0
2	2	53	696,2	12,9	683,3

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>32.184.000</b>
1	Đất đai		178,8			32.184.000
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	177,9	180.000	100	32.022.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	0,9	180.000	100	162.000
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>120.420.000</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>	m <sup>2</sup>				108.174.000
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	177,9	605.000	100	107.629.500
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	0,9	605.000	100	544.500
2	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>10.458.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	7	1.494.000	100	10.458.000
3	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>1.788.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	178,8	10.000	100	1.788.000
III	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>152.604.000</b>

*Số tiền bằng chữ: Một trăm năm mươi hai triệu, sáu trăm lẻ bốn ngàn đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 95

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Phan Văn Xê (đã chết) vợ là bà Hà Thị Yên**

- \* Số CCCD: 001160025942 Ngày cấp: 04/04/2021
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 2,60 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	1	55	70,1	70,1	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>12.618.000</b>
1	Đất đai		70,1			12.618.000
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP.	m <sup>2</sup>	70,1	180.000	100	12.618.000
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>49.087.500</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>2</sup>	m <sup>2</sup>				42.410.500
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo NĐ 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	70,1	605.000	100	42.410.500

TT	DANH MỤC BÒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>5.976.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	4	1.494.000	100	5.976.000
<b>3</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>701.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	70,1	10.000	100	701.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>61.705.500</b>

**Số tiền bằng chữ: Sáu mươi một triệu, bảy trăm lẻ năm ngàn, năm trăm đồng**

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 96

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Phan Văn Trục (Na)**

- \* Số CCCD: 0 Ngày cấp: 0
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: 0
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 0,00 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	2	27	318,1	299,8	18,3
2	2	87	311,3	51,7	259,6

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
I	<b>PHẦN BỒI THƯỜNG</b>					<b>63.270.000</b>
1	<b>Đất đai</b>		<b>351,5</b>			<b>63.270.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	351,5	180.000	100	63.270.000
II	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>232.606.500</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: 121.000 đồng/m <sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m <sup>22</sup>	m <sup>2</sup>				<b>212.657.500</b>

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	351,5	605.000	100	212.657.500
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ ổn định đời sống:</b>					<b>16.434.000</b>
-	Hỗ trợ gạo 03 tháng đối với nhân khẩu của các trường hợp bị thu hồi diện tích tỷ lệ nhỏ hơn 30% đất nông nghiệp đang sử dụng. Hỗ trợ bằng: 03 tháng x 30kg gạo/tháng x 16.600 đồng/kg = 1.494.000 đồng/khẩu	Nhân khẩu	11	1.494.000	100	16.434.000
<b>2</b>	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>3.515.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	351,5	10.000	100	3.515.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>295.876.500</b>

*Số tiền bằng chữ: Hai trăm chín mươi lăm triệu, tám trăm bảy mươi sáu ngàn, năm trăm đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.

STT: 98

**PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Mở rộng tuyến đường tránh thị xã Sơn Tây (Đoạn từ nút giao Viện Quân y 105 đến nút giao QL32), thị xã Sơn Tây (nay là các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện), thành phố Hà Nội**

(Kèm theo Thông báo số /TB-BQLDA ngày / /2026 của Ban quản lý dự án đầu tư - hạ tầng phường Sơn Tây)

**1 Hộ ông Hà Văn Hiệp**

- \* Số CCCD: 001063026179 Ngày cấp: 13/12/2022
- \* Địa chỉ GPMB: Phường Sơn Tây
- \* Địa chỉ TT: TDP Mông Phụ, Phường Sơn Tây
- \* Tỷ lệ % diện tích đất bị thu hồi so với tổng diện tích đất đang sử dụng: 82,20 %
- \* Vị trí thửa đất theo Bản đồ phục vụ công tác GPMB:

TT	Số tờ	Số thửa	Tổng Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích Còn lại (m <sup>2</sup> )
1	2	39	33,1	33,1	0
2	2	65	485,0	485,0	0
3	3	8	19,6	19,6	0
4	3	53	181,8	181,8	0

**2 PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ:**

TT	DANH MỤC BÒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=(4*5*6)
<b>I</b>	<b>PHẦN BÒI THƯỜNG</b>					<b>109.710.000</b>
<b>1</b>	<b>Đất đai</b>		<b>719,5</b>			<b>109.710.000</b>
-	Đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP.	m <sup>2</sup>	581,1	180.000	100	104.598.000
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	28,4	180.000	100	5.112.000
-	Đất nông nghiệp công ích do UBND phường quản lý Không bồi thường, hỗ trợ	m <sup>2</sup>	110,0	0	100	0

TT	DANH MỤC BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, GPMB	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	TỶ LỆ BT, HT (%)	THÀNH TIỀN (đồng)
<b>II</b>	<b>PHẦN HỖ TRỢ</b>					<b>374.842.500</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Hỗ trợ bằng 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất do UBND Thành phố quy định: <b>121.000 đồng/m<sup>2</sup> x 5 lần = 605.000đồng/m<sup>2</sup></b>	m <sup>2</sup>				<b>368.747.500</b>
-	Đối với đất nông nghiệp trồng lúa, Nhà nước giao cho hộ gia đình theo ND 64-CP ; hộ gia đình, cá nhân trực tiếp SXNN	m <sup>2</sup>	581,1	605.000	100	351.565.500
-	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm hộ gia đình sử dụng trước 15/10/1993 có trong bản đồ 299 đủ điều kiện cấp giấy	m <sup>2</sup>	28,4	605.000	100	17.182.000
3	<b>Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường:</b>					<b>6.095.000</b>
-	Thưởng bàn giao mặt bằng đúng tiến độ đối với đất nông nghiệp đủ điều kiện bồi thường (10.000 đồng/m <sup>2</sup> ), nhưng không quá 10.000.000/chủ sử dụng:	m <sup>2</sup>	609,5	10.000	100	6.095.000
<b>III</b>	<b>TỔNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ: (I) + (II)</b>					<b>484.552.500</b>

*Số tiền bằng chữ: Bốn trăm tám mươi bốn triệu, năm trăm năm mươi hai ngàn, năm trăm đồng*

\* Trong thời gian niêm yết công khai 10 ngày kể từ ngày thông báo nếu có sai lệch, nhầm lẫn hoặc vướng mắc, đề nghị phản ánh bằng văn bản vớ Ban Quản lý dự án Đầu tư - hạ tầng để tổng hợp xem xét, giải quyết./.